**CÔNG TY CỔ PHẦN**
**THỰC PHẨM SAO TA**
*Mã chứng khoán*: **FMC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Sóc Trăng, ngày 25 tháng 03 năm 2024*

# THÔNG BÁO
# MỜI HỌP HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

**Kính gửi:** **CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP THỰC PHẨM SAO TA**
**Đồng kính gửi:** **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty") xin trân trọng thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ("Đại hội") như sau:

**Thời gian:** Từ 13 giờ, thứ sáu ngày 19/04/2024

**Địa điểm:** Tại Hội trường Trụ sở Công ty, Km 2132 Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng

**Nội dung chương trình họp:** Thông qua Báo cáo Tài chính kiểm toán 2023; Thông qua các báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty; Thông qua mức chi cổ tức năm 2023; Và một số nội dung quan trọng khác thuộc thẩm quyền của Đại hội.

**Tài liệu đại hội** được đăng tải tại trang website của công ty: www.fimexvn.com .

**Đăng ký và xác nhận tham dự:** Để thuận tiện cho việc sắp xếp và tổ chức, kính mong Quý Cổ đông gửi xác nhận tham dự trước **15 giờ ngày 16 tháng 04 năm 2024** theo địa chỉ:

- Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta tại địa chỉ: Km 2132 Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng;
- Hoặc gởi bằng fax (0299) 3822122, bằng email minhchang@fimexvn.com.

Khi đăng ký tham dự, đề nghị Quý Cổ đông vui lòng mang theo Thư mời họp (được gửi đến địa chỉ đăng ký của Quý Cổ đông) cùng với giấy tờ chứng thực cá nhân (đối với trường hợp tham dự trực tiếp), hoặc cùng với bản gốc Giấy ủy quyền được điền thông tin đầy đủ theo mẫu được công bố trên website của Công ty hoặc Giấy ủy quyền công chứng/chứng thực hợp lệ của cơ quan/tổ chức có thẩm quyền, Thư mời họp và giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền (đối với trường hợp ủy quyền). Mọi trường hợp không có Giấy ủy quyền hợp lệ, người được ủy quyền không được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Thông báo này thay cho thư mời các Cổ đông Công ty theo danh sách chốt ngày ĐKCC là 19/03/2024 được tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 như các nội dung nêu trên.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

*Nơi nhận:*
- *Như kính gởi;*
- *Lưu VT.*

**HỒ QUỐC LỰC**

CTY CP TP SAO TA
***
Số: 049/VB.2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Sóc Trăng, ngày 25 tháng 03 năm 2024

# THƯ MỜI THAM DỰ
# ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

***Kính gửi*: QUÝ CỔ ĐÔNG**

- Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA**
- Trụ sở chính : Km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng.
- Điện thoại : (0299) 3822203 – 3822223 Fax: (0299) 3822122

Trân trọng kính mời Quý Cổ đông đến dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ("**Đại hội**"). Thông tin về Đại hội như sau:

1. **Thời gian:** Bắt đầu lúc 13 giờ, ngày 19 tháng 04 năm 2024
2. **Địa điểm:**
   - Hội trường của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
   - Địa chỉ: Km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng.
3. **Nội dung họp Đại hội:**

Thông qua Báo cáo Tài chính kiểm toán 2023; Thông qua các báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty; Thông qua mức chi cổ tức năm 2023; Và một số nội dung quan trọng khác thuộc thẩm quyền của Đại hội.

4. **Tài liệu Đại hội:** được đăng tại website Công ty: www.fimexvn.com
5. **Điều kiện tham dự:**
   - Cổ đông có quyền tham dự Đại hội là những Cổ đông sở hữu cổ phiếu FMC chốt danh sách đến ngày đăng ký cuối cùng 19/03/2024.
   - Quý Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự bằng cách điền vào Thư ủy quyền (được gửi kèm trong Thư mời tham dự hoặc tải xuống từ website của Công ty). Người được ủy quyền phải xuất trình CMND hoặc CCCD/Passport và Thư ủy quyền khi tham dự Đại hội. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.
6. **Các vấn đề khác:**

Để việc tổ chức Đại hội được chu đáo, Quý Cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác trước **15:00 ngày 16 tháng 04 năm 2024** và gửi về địa chỉ Km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng hoặc fax trước số (0299) 3822122.

Quý Cổ đông vui lòng mang theo thư mời, giấy ủy quyền bản chính (nếu có), CMND hoặc CCCD/Passport khi tham dự Đại hội.

Trân trọng.

**CHỦ TỊCH HĐQT**

M.S.D.N: 2200208... C.T.C.P. CÔNG TY CP THỰC PHẨM SAO TA T.P SÓC TRĂNG - T. SÓC TRĂNG

**HỒ QUỐC LỰC**

**CTY CP TP SAO TA**
***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
---
*…, ngày … tháng … năm 2024*

# THƯ ỦY QUYỀN

*Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024*

*Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta*

Người ủy quyền:.. .....

Địa chỉ:..... .....

Điện thoại: ..... ....., Fax: ....., Email: .....

Số CMND/CCCD/ĐKKD:.....

Ngày cấp: ..... ....., nơi cấp: .....

Mã số cổ đông..... ....., sở hữu số cổ phần: .....

**ỦY QUYỀN CHO**

Ông / Bà: ..... .....

Địa chỉ:..... .....

Điện thoại: ..... .....Fax: .....Email: .....

Số CMND/CCCD/ĐKKD:.....

Ngày cấp: ..... ....., nơi cấp: .....

Thay mặt tôi/chúng tôi và đại diện cho tất cả số cổ phần mà tôi/chúng tôi đang sở hữu tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta.

Người được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung quy chế làm việc của Đại hội, không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại kết quả Đại hội cho người ủy quyền.

| **Người được ủy quyền** | **Người ủy quyền** |
|---|---|
| *(Ký và ghi rõ Họ tên)* | *(Ký và ghi rõ Họ tên)* |

**CTY CP TP SAO TA**

Số: ___/CV.2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
---

*Sóc Trăng, ngày 19 tháng 04 năm 2024*

# QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA

*Căn cứ:*
- *Luật Doanh nghiệp;*
- *Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Điều lệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao ("Điều lệ").*

Hội đồng Quản trị ("HĐQT") Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ("Đại hội") thông qua các nội dung sau:

**Điều 1. Mục tiêu**

1. Đạt được sự đồng thuận cao nhất của Cổ đông để hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đề ra.
2. Đảm bảo nguyên tắc làm việc công khai, công bằng, dân chủ và xây dựng.
3. Vì quyền lợi của người lao động, của Công ty và các Cổ đông Công ty.

**Điều 2. Trật tự của Đại hội**

1. Tất cả các Cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông mặc trang phục chỉnh tề, lịch sự, xuất trình đầy đủ giấy tờ tùy thân, thư mời họp và các giấy tờ liên quan đến việc xác minh tư cách đại biểu tại bàn tiếp đón.
2. Giữ trật tự và tư cách nghiêm túc trong giờ họp. Không hút thuốc lá, không nói chuyện ồn ào, không sử dụng điện thoại di động trong Hội trường (nếu có nhu cầu xin mời Quý cổ đông trao đổi điện thoại bên ngoài Hội trường), giao tiếp hòa nhã, thân thiện.

**Điều 3. Quyền của các Cổ đông khi tham dự Đại hội**

1. Các đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông là các cổ đông nắm giữ (sở hữu hoặc được ủy quyền) cổ phiếu của Công ty chốt đến ngày 19/03/2024.
2. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty có thể ủy quyền bằng giấy ủy quyền (theo mẫu quy định) cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội Đồng cổ đông. Giấy ủy quyền phải gửi về Ban tổ chức Đại hội trước 03 ngày so với ngày khai mạc Đại hội.
3. Các đại biểu khi tới dự Đại hội đồng cổ đông phải mang theo Giấy mời và Giấy tờ tùy thân (CMND/CCCD/Hộ chiếu) trình Ban tổ chức Đại hội và nhận tài liệu và phiếu biểu quyết có ghi mã số Cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết của mình. Giá trị biểu quyết của phiếu bầu mà cổ đông đại diện nắm giữ tương ứng với tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện sở hữu.

4. Cổ đông khi đến dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe các nội dung các văn kiện trình ra Đại hội sẽ tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung văn kiện Đại hội.

**Điều 4. Nghĩa vụ của các Cổ đông khi tham dự Đại hội**

1. Tuân thủ các Quy định tại Quy chế này. Các Cổ đông đến dự cuộc họp phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội.
2. Nghiêm túc chấp hành mọi nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

**Điều 5. Tiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024**

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp **đại diện ít nhất là 51% số cổ phần** có quyền biểu quyết theo danh sách Cổ đông được mời họp khi có quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 6. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội.**

1. Nguyên tắc: Theo yêu cầu của Chủ tọa Đại hội cần lấy biểu quyết các vấn đề quan trọng, Đại hội sẽ tiến hành biểu quyết công khai bằng hình thức biểu quyết giơ tay hoặc biểu quyết bằng phiếu biểu quyết do Ban tổ chức Đại hội phát ra. Phiếu biểu quyết có in mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu.
2. Đối với hình thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết: Cổ đông sẽ thực hiện quyền biểu quyết theo quy định trong thể lệ biểu quyết được trình tại đại hội.
3. Đối với hình thức bầu cử thành viên HĐQT và Ban kiểm soát: Cổ đông sẽ thực hiện bầu cử theo thể lệ bầu cử kèm theo tờ trình tại Đại hội.
4. Quyết định của Đại hội được thông qua dưới hình thức biểu quyết hoặc bầu cử khi đạt tỷ lệ tối thiểu theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta.

**Điều 7. Thảo luận nội dung phiên họp và giải đáp thắc mắc.**

Sau khi tiến hành xong các báo cáo được trình tại Đại hội, Chủ tọa Đại hội tiếp tục chủ trì phiên thảo luận, tiếp nhận ý kiến của các Cổ đông và giải đáp thắc mắc theo nguyên tắc và cách thức sau:

1. Cổ đông tham dự Đại hội viết phiếu đóng góp ý kiến (do Ban tổ chức Đại hội cung cấp) và gởi về Ban thư ký để tổng hợp gửi lên Chủ tọa Đại hội. Ngoài ra, tài liệu Đại hội được đăng tải trên website của Công ty. Vì vậy, để Đại hội được chuẩn bị chu đáo, đề nghị Quý Cổ đông nghiên cứu trước và chuẩn bị các ý kiến đóng góp và gửi về cho Ban tổ chức Đại hội (thông qua Fax hoặc Email).
2. Chủ tọa Đại hội chỉ trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm và liên quan đến các nội dung trong chương trình Đại hội và mang tính đại diện cho nhiều Cổ đông, không trả lời trực tiếp và giải thích chi tiết các nội dung đã được công bố thông tin, đã được quy định trong pháp luật, hoặc các nội dung có tính chất giải thích chuyên môn, chi tiết mang tính chất phục vụ yêu cầu riêng biệt của cá nhân Cổ đông.
3. Các câu hỏi về thông tin riêng lẻ hoặc không liên quan trực tiếp đến nội dung Đại hội, sẽ được Ban thư ký tập hợp và trả lời bằng văn bản hoặc thông tin trên website của Công ty.

4. Các câu hỏi không kịp trả lời trong Đại hội do thời gian có hạn, cũng sẽ được trả lời bằng văn bản hoặc thông tin trên website của Công ty.

**Điều 8. Trách nhiệm của Chủ tọa Đại hội.**

1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các quy chế, thể lệ đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa Đại hội làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.

**Điều 9. Trách nhiệm của Ban thư ký, Ban thẩm tra tư cách cổ đông và Ban kiểm phiếu biểu quyết.**

1. Ban thư ký gồm hai (02) người do Chủ tọa Đại hội giới thiệu, chịu trách nhiệm trước Chủ tọa Đại hội và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình; ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại Đại hội và những vấn đề đã được các Cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội; tiếp nhận phiếu đóng góp ý kiến của các Cổ đông; soạn thảo biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.
2. Ban thẩm tra tư cách Cổ đông gồm ba (03) người, giúp Chủ tọa Đại hội kiểm tra các điều kiện để tiến hành Đại hội và tư cách của Cổ đông dự họp; báo cáo kết quả thẩm tra tư cách Cổ đông tham dự Đại hội.
3. Ban kiểm phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử thông qua các nội dung văn kiện Đại hội gồm ba (03) người, giúp Chủ tọa Đại hội hướng dẫn các Cổ đông tiến hành bỏ phiếu biểu quyết theo chương trình Đại hội; công bố kết quả bỏ phiếu thông qua các nội dung văn kiện Đại hội.

Trên đây là toàn bộ nội dung Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Thực phẩm Sao Ta.

Kính trình Đại hội thông qua.

***Nơi nhận:***
- *Thành viên HĐQT;*
- *Cổ đông của Công ty;*
- *Đăng trên website Công ty;*
- *Lưu: VT.*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

**HỒ QUỐC LỰC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA**

---

# ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

**Sóc Trăng, ngày 19 tháng 04 năm 2024**

# CHƯƠNG TRÌNH

| Thời gian | Nội dung |
|---|---|
| 13.00 – 13.30 | - Tiếp đón khách mời, đại biểu, cổ đông.<br>- Nhận tài liệu. |
| 13.30 – 14.00 | **PHẦN KHAI MẠC**:<br>- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu<br>- Xác nhận đủ tư cách pháp lý của Đại hội<br>- Giới thiệu Chủ tọa đoàn, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu<br>- Thông qua chương trình Đại hội |
| 14.00 – 17.00 | **PHẦN NỘI DUNG**:<br>- Thông qua tờ trình điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 và biểu quyết.<br>- Báo cáo hoạt động 2023 và phương hướng hoạt động 2024.<br>- Báo cáo tài chính kiểm toán 2023; Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận 2023; Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm 2024; Tờ trình về việc sửa đổi bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.<br>- Báo cáo của Ban kiểm soát (BKS) về tình hình công ty.<br>- Báo cáo hoạt động Hội đồng quản trị (HĐQT).<br>- Tờ trình phương án chi cổ tức 2023 và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024.<br>- Ý kiến đóng góp thảo luận, biểu quyết<br>- Giải lao.<br>- Thông qua kết quả biểu quyết<br>- Thông qua Nghị quyết Đại hội. |
| Từ 17.00 | - Tuyên bố bế mạc Đại hội**.** |

| | |
|---|---|
| **CTY CP TP SAO TA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| ---o0o--- | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 01/TT_ĐHĐCĐ | ---o0o--- |
| | *Sóc Trăng, ngày 19 tháng 04 năm 2024* |

# TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

## VỀ VIỆC ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2023

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông**
**Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta**

Căn cứ Nghị quyết số 023/NQ_ĐHĐCĐ ngày 07/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên (Đại hội) 2023 đã được chấp thuận và thông qua chỉ tiêu kế hoạch 2023 như sau:

- Doanh thu tiêu thụ hợp nhất: 5.900 tỉ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 400 tỉ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ: 370 tỉ đồng;

Năm 2023 đã đi qua với nhiều khó khăn và biến động trong môi trường hoạt động ngành tôm Việt, như lạm phát suy thoái, như tôm giá rẻ có sức cung lớn… trong khi giá thành tôm nuôi Việt cao và lĩnh vực nuôi tôm bị dịch bệnh khá nặng nề. Trước tình hình khó khăn chung của ngành, Hội đồng quản trị công ty (HĐQT) đã có cuộc họp số 05/HĐQT.23 ngày 24/10/2023 để thảo luận và thông qua việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 theo Nghị quyết số 05/NQ.HĐQT.23 ngày 24/10/2023 như sau:

| Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2023 từ đầu năm | Kế hoạch 2023 được điều chỉnh | % so kế hoạch đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| Tổng doanh thu hợp nhất | Tỷ đồng | 5.900 | 4.870 | 82,54 |
| Lợi nhuận trước thuế hợp nhất | Tỷ đồng | 400 | 300 | 75,00 |
| Tổng lợi nhuận trước thuế công ty mẹ | Tỷ đồng | 370 | 278 | 75,13 |

Bằng tờ trình này, HĐQT kính đề nghị Đại hội 2024 xem xét thông qua việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 như được nêu như trên.

Xin trân trọng cám ơn.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**Chủ tịch HĐQT**

**HỒ QUỐC LỰC**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA (FMC)

…oooOoooo…

Sóc Trăng, ngày 19 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO TỔNG GIÁM ĐỐC

# TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG CHO NĂM 2024

## I. Tình hình chung:

+ Kinh tế thế giới cho thấy khả năng phục hồi đáng chú ý, đà suy thoái giảm, đặc biệt là ở các nền kinh tế đầu tàu. Tuy nhiên, bối cảnh địa chính trị còn nhiều bất ổn, chiến tranh Nga – Ukraine tiếp tục kéo dài, vẫn còn tiềm ẩn nhiều biến số về lạm phát hay nhiều rủi ro mới chưa được tính đến ví dụ xung đột Israel-Hamas vừa xảy ra khiến cho kinh tế thế giới tuy phục hồi nhưng chậm và khập khiễng.

+ Nhu cầu tôm từ các thị trường sụt giảm trong khi sản lượng cung tôm toàn cầu tăng. Sản xuất và xuất khẩu tôm của Ecuador tăng bùng nổ, gây dư nguồn cung làm giá tôm thế giới giảm mạnh.

+ Giá tôm nguyên liệu 6 tháng đầu năm 2023 cũng giảm mạnh và phục hồi nhẹ ở 6 tháng cuối năm.

+ Chi phí thức ăn nuôi tôm cao, đồng thời dịch bệnh trên tôm chưa kiểm soát hiệu quả, nhất là ở khâu tôm giống.

+ Cuối năm 2023 Mỹ đã khởi xướng điều tra chống trợ cấp trong đó có tôm Việt Nam.

+ Căng thẳng Biển Đỏ khiến cước vận tải biển tăng.

**Kết quả hoạt động (đã hợp nhất công ty thành viên KAF):**

+ Tôm thành phẩm chế biến 21.198 tấn, bằng 103% so cùng kỳ năm 2022.

+ Tôm thành phẩm tiêu thụ 17.342 tấn, bằng 96% so cùng kỳ năm 2022.

+ Nông sản thành phẩm 1.569 tấn, bằng 79,2 % so cùng kỳ năm 2022.

+ Nông sản tiêu thụ 1.366 tấn, bằng 75,8% so cùng kỳ năm 2022.

+ Doanh số tiêu thụ chung: 200,56 triệu USD, bằng 88,68% so cùng kỳ và đạt 97,83% kế hoạch năm.

+ Lợi nhuận hợp nhất trước thuế là 305 tỷ đồng, đạt 101,67 kế hoạch và bằng 92,99% so thực hiện năm 2022.

+ Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ là 276 tỉ đồng.

+ Lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ là 278 tỉ đồng, đạt 100% kế hoạch và bằng 88% so năm 2022.

## II. Đánh giá hoạt động năm 2023:

Từ số liệu trên và diễn biến trong thực tế, có nhận xét:

+ Ban điều hành đã thể hiện sự linh hoạt kịp thời, thể hiện trong sách lược, giải pháp về thị trường, khách hàng, sản phẩm.

+ Thị trường: Trước tình hình nguồn cung mạnh mẽ từ các nước khác như Ecuador và Ấn Độ làm giá giảm mạnh, FMC đã chủ động giảm thị phần ở Hoa Kỳ và trở thành nhà xuất khẩu số 1 Việt Nam vào thị trường Nhật, tiếp tục từng bước chinh phục các thị trường có tiềm năng như Hàn Quốc, Úc, EU. KAF có thị phần khác biệt, tôm chủ yếu ở thị trường Anh và nông sản chủ yếu ở thị trường Nhật Bản.
+ Sản phẩm: tập trung vào sản phẩm chế biến sâu vẫn giữ được thứ hạng cao, tập trung các mặt hàng bán vào thị trường Nhật Bản, Hoa Kỳ và EU như tôm ép duỗi, tôm bao bột tươi và chiên, tôm đông rời tươi và chín, tôm Sushi.
+ Khách hàng ổn định, các khách hàng lớn của FMC vẫn tiếp tục duy trì sản lượng và doanh số cao ở FMC.
+ Trại nuôi tôm đã thể hiện sự năng động xuất sắc, trong hoàn cảnh dịch bệnh trên tôm khá trầm trọng toàn vùng, thì thiệt hại tại trại tuy có nhưng không lớn, góp phần cơ bản giảm giá thành sản phẩm, tăng hiệu quả hoạt động chung.
+ KAF cũng hết sức năng nỗ trong việc tìm kiếm sản phẩm mới mang tính chủ lực, chiến lược cho mình. Kết quả ban đầu đã có nhưng còn cần thời gian kiểm chứng.
+ FMC đã duy trì tốt các chứng nhận đạt tiêu chuẩn như BAP, ASC, CIS, FAIR TRADE đủ điều kiện để tiếp tục cung cấp cho các hệ thống siêu thị cao cấp.

## III. Phương hướng năm 2024 và về sau:

### 1- Thuận lợi:

Lạm phát ở các nước lớn đã được kiềm chế, một số nền kinh tế lớn có dấu hiệu phục hồi mặc dù chậm. FMC sẽ tập trung phát huy thế mạnh của mình là sản phẩm chế biến sâu, do:
+ Có đủ điều kiện để tập trung chuyên môn hóa sản phẩm ở từng nhà máy nhằm giảm chi phí và tăng năng suất.
+ Có đội ngũ công nhân lành nghề gắn bó lâu dài với FMC.
+ Có diện tích vùng nuôi ASC lớn đủ đáp ứng nguồn cung cho các hệ thống lớn.
+ Khách hàng, thị trường và chất lượng sản phẩm ổn định.

### 2- Khó khăn

+ Vụ kiện chống trợ cấp và phá giá của Mỹ đang diễn ra có xu hướng bất lợi cho các doanh nghiệp tôm Việt Nam.
+ Chất lượng con giống chưa đạt yêu cầu.
+ Tình hình an ninh đường biển sẽ ảnh hưởng đến cước tàu, giá bán.
+ Tình hình chiến tranh vẫn tiếp tục kéo dài dẫn đến nguy cơ lạm phát bùng phát trở lại.
+ Tỉ giá hối đoái đồng Yen ít nhiều gây bất lợi cho xuất khẩu vào thị trường Nhật.
+ Nguồn cung nguyên liệu tôm trong nước sẽ không nhiều do người nuôi hạn chế nuôi vì không có lợi nhuận, bởi giá thành nuôi tôm cao và tỉ lệ nuôi thành công thấp.

Tóm lại, cơ bản FMC luôn coi trọng giải pháp mang tính chất lâu dài như việc cơ giới hóa, tự động hóa và chuyển đổi số trong hoạt động chế biến lẫn nuôi trồng; quan tâm hoàn thiện hơn bộ máy đang có, nâng cao trách nhiệm cá nhân và tính chuyên nghiệp.

## IV. Chỉ tiêu phấn đấu năm 2024:

+ Sản lượng tôm chế biến 22.300 tấn.
+ Sản lượng nông sản chế biến 1.500 tấn.
+ Doanh số tiêu thụ chung: 210 triệu USD.
+ Lợi nhuận hợp nhất trước thuế 320 tỷ đồng.
+ Cổ tức: Thấp nhất là 20%.

## V. Đánh giá chung:

Năm 2023 là năm đầy khó khăn về nuôi tôm, giá tôm, lẫn thị trường tiêu thụ nhưng FMC đã vượt qua một cách khá mạnh mẽ, thể hiện ở hiệu quả hoạt động.

FMC đã vượt qua rất nhiều thử thách trong hơn 20 năm qua, đã tích lũy nhiều kinh nghiệm cũng như nâng cao bản lĩnh ứng xử. Trước tình hình hiện nay, FMC tiếp tục nêu cao tinh thần đoàn kết, chung tay tiếp tục khắc phục khó khăn để có kết quả hoạt động đáp ứng kỳ vọng nội bộ cũng như các nhà đầu tư, cổ đông.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số : 02B/TT_ĐHĐCĐ *Sóc Trăng, ngày 19 tháng 04 năm 2024*

# TỜ TRÌNH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 2023

| STT | DIỄN GIẢI | tiêu | Số tiền (VNĐ) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **LỢI NHUẬN THỰC HIỆN** | | | |
| **1** | **TẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG** | | | |
| | - Tổng lợi nhuận trước thuế | 1 | 266,359,419,598 | |
| | - Tổng lợi nhuận sau thuế | 2 | 264,291,662,629 | |
| **2** | **TẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** | | | |
| | - Tổng lợi nhuận trước thuế | 3 | 304,595,891,499 | |
| | - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 4 | 2,259,560,333 | |
| | - Tổng lợi nhuận sau thuế | 5 | 302,336,331,166 | |
| | - Tỉ lệ nộp thuế TNDN trên LNTT | 6 | 0.74% | (6)=(4)/(3) |
| | - Tổng lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ | 7 | 276,067,089,402 | |
| | - Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ | 8 | 278,130,322,233 | (8)=(7)/((1-(6)) |
| **II** | **TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH** | | | |
| 1 | Tổng LNTT công ty mẹ theo kế hoạch | 9 | 278,000,000,000 | NQ HĐQT số 05/HĐQT.23 |
| 2 | Mức vượt kế hoạch LNTT | 10 | 130,322,233 | (10)=(8)-(9) |
| 3 | Mức vượt kế hoạch LNST | 11 | 129,355,474 | (11) = (10)-(10)x(6) |
| **III** | **PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN SAU THUẾ 2023** | | | |
| 1 | **Chi cổ tức 2023 bằng tiền mặt (20%/mệnh giá)** | 12 | **130,777,778,000** | (12)= 65.388.889 CP x 2.000 đ/CP |
| 2 | **Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 10%** | 13 | **26,429,166,263** | (12) = (2) x 10% |
| 3 | **Thưởng HĐQT, BKS** | 14 | **5,526,516,007** | (14) = (15) + (16) |
| | - Thưởng hoàn thành kế hoạch (thưởng 2% trên LNST) | 15 | 5,521,341,788 | (15) = (7) x 2% |
| | - Thưởng do hoàn thành vượt mức KH (thưởng 4% trên LNST mức vượt) | 16 | 5,174,219 | (16) = (11) x 4% |
| **IV** | **TỔNG LNST CHƯA PHÂN PHỐI 2023 CÒN LẠI TRÊN BCTC RIÊNG** | 17 | **101,558,202,359** | (17) = (2) - (12)- (13) - (14) |

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
CHỦ TỊCH

**HỒ QUỐC LỰC**

CTY CP TP SAO TA
---o0o---
Số: 03/TT_ĐHĐCĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
---o0o---
*Sóc Trăng, ngày 19 tháng 04 năm 2024*

# TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

## LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN NĂM 2024

**Kính gửi:** **Đại hội Đồng cổ đông**
**Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta**

Căn cứ điểm m, khoản 1, Điều 14 của Điều lệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (Công ty) quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội Đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về việc lựa chọn công ty kiểm toán.

Căn cứ khoản 1 Điều 45 của Điều lệ Công ty quy định về việc ĐHĐCĐ thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với HĐQT.

Trên cơ sở xem xét các công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho tổ chức niêm yết năm 2024, HĐQT Công ty kính trình Đại hội ủy quyền cho HĐQT được lựa chọn 01 trong 4 công ty kiểm toán theo danh sách dưới đây được kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2024 :

1. Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
2. Công ty kiểm toán KPMG
3. Công ty kiểm toán Deloitte
4. Công ty kiểm toán PwC.

Kính trình Đại hội đồng thông qua các nội dung nêu trên.

Xin trân trọng cám ơn.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**Chủ tịch HĐQT**

**HỒ QUỐC LỰC**

| | |
|---|---|
| **CTY CP TP SAO TA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| ---o0o--- | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 04/TT_ĐHĐCĐ | ---o0o--- |
| | *Sóc Trăng, ngày 19 tháng 04 năm 2024* |

# TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

## THÔNG QUA VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ VÀ QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Kính gửi:** **Đại hội đồng cổ đông**
**Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta**

- Căn cứ Khoản 6, Điều 157 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 có quy định: "Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp ***chậm nhất là 03 ngày làm việc*** trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định".

- Căn cứ Khoản 2, Điều 27 Điều lệ công ty có quy định: "Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ***ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến***".

- Căn cứ Khoản 6a, Điều 27 Điều lệ công ty có quy định: "Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ***ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp***" .

Nhằm rút ngắn thời gian thông báo mời họp cuộc họp Hội đồng quản trị (HĐQT) thường kỳ và phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, HĐQT Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 xem xét thông qua việc sửa đổi nội dung này trong Quy chế Nội bộ về Quản trị và Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty. Cụ thể như sau:

1. Khoản 2, Điều 23 Quy chế nội bộ về quản trị sửa thành: Đối với các cuộc họp thường kỳ, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất **7 (bảy)** ngày trước ngày họp dự kiến. *Thời gian đề nghị sửa lần này là 7 (bảy) ngày thay cho 15 (mười lăm) ngày như quy chế gần nhất.*
2. Khoản 7a, Điều 23 Quy chế nội bộ về quản trị sửa thành: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất bảy (7) ngày trước khi tổ chức họp. *Thời gian đề nghị sửa lần này là bảy (7) ngày thay cho mười lăm (15) ngày như quy chế gần nhất.*
3. Khoản 5, Điều 17 Quy chế hoạt động của HĐQT sửa thành: Thư mời họp, chương trình và tài liệu cần nghiên cứu trước (nếu có) phải được gửi đến các thành viên dự họp chậm nhất là 7 (bảy) ngày làm việc trước ngày họp. *Thời gian đề nghị sửa lần này là 7 (bảy) ngày thay cho 15 (mười lăm) ngày như quy chế gần nhất.*

Kính trình Đại hội đồng thông qua các nội dung nêu trên.

Xin trân trọng cám ơn.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Chủ tịch HĐQT**

**HỒ QUỐC LỰC**

CTY CP TP SAO TA
**BAN KIỂM SOÁT**
---o0o---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
---o0o---
*Sóc Trăng, ngày 19 tháng 04 năm 2024*

# BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

---

*Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại điều lệ công ty.*
*Căn cứ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.*
*Căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán.*

Ban kiểm soát (BKS) xin trình bày báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024 những nội dung như sau:

## 1. Hoạt động của Ban kiểm soát :

Ban kiểm soát đã thực hiện việc giám sát các hoạt động và tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của công ty đối với Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành công ty.

Kiểm tra và giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của công ty theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của HĐQT.

BKS phân công các thành viên nghiêm túc thực hiện tốt nhiệm vụ, có ý kiến kịp thời về tình hình SXKD của công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

Năm 2023 các thành viên Ban kiểm soát đều tham gia đầy đủ 2 cuộc họp của Ban kiểm soát được công bố trong Báo cáo về tình hình quản trị công ty và số tiền thù lao của Ban kiểm soát trong năm là 276 triệu đồng.

## 2. Kết quả giám sát tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh:

Thống nhất báo cáo tài chính năm 2023 của công ty, được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của công ty tại ngày 31/12/2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý.

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2023 đã được kiểm toán:

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

| STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch 2023 được điều chỉnh | Thực hiện | | Tỷ lệ % TH/KH |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Công ty mẹ | Hợp nhất | |
| 1 | Tổng doanh thu | 4.870 | 3.858 | 5.089 | 104.50% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 300 | 266 | 304,6 | 101.53% |
| 3 | Cổ tức dự kiến | | 20% | | |

- Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất trong năm 2023 đạt 304,6 tỷ đồng (đạt 101,53% so với Nghị quyết 05/NQ.HĐQT.23 ngày 24/10/2023).

## 3. Công tác quản lý điều hành của HĐQT & BTGĐ :

HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát các hoạt động điều hành của BTGĐ để đảm bảo hoạt động kinh doanh của công ty được an toàn và hiệu quả. HĐQT duy trì các phiên họp định kỳ theo qui định, các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, để đưa ra các nghị quyết và quyết định kịp thời.

BTGĐ đã điều hành hoạt động kinh doanh của công ty theo đúng pháp luật, nghị quyết của ĐHĐCĐ, các nghị quyết và quyết định của HĐQT.

Thông qua hoạt động kiểm soát trong năm cho thấy tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đảm bảo an toàn, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, theo đúng định hướng nghị quyết của ĐHĐCĐ, đảm bảo các tiêu chí để công ty phát triển bền vững, mang lại hiệu quả kinh tế và lợi ích cho cổ đông.

**Đánh giá chung:**

Năm 2023, tôm Việt phải đối mặt với lạm phát cao, sức mua và giá tôm giảm, cạnh tranh gay gắt từ Ecuador, Ấn Độ. Những tháng cuối năm 2023, Mỹ đã khởi xướng điều tra chống trợ cấp với tôm nước ấm đông lạnh của Việt Nam, chưa rõ kết quả thế nào nhưng xuất khẩu tôm của Việt Nam sang Mỹ sẽ bị ảnh hưởng. Bên cạnh đó, căng thẳng Biển Đỏ đầu năm 2024 khiến giá cước vận tải biển đi Mỹ tăng, cũng là một chướng ngại cho doanh nghiệp trong năm nay.

Kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp thủy sản năm nay đều sụt giảm, nhưng nhờ vào sự thay đổi cơ cấu thị trường, tập trung xuất sang thị trường Nhật Bản, nơi người tiêu dùng ưa chuộng sản phẩm chất lượng cao, chế biến cầu kì và bán được giá cao hơn, phù hợp với năng lực sản xuất của công ty, đã giúp kết quả kinh doanh của công ty giữ vững biên lợi nhuận trong năm nay. Ngoài ra, thị trường Nhật Bản có vị trí địa lý gần hơn so với Mỹ, EU và phương thức thanh toán cũng an toàn hơn.

Sự nỗ lực rất lớn từ trại nuôi tôm công ty đã có kết quả khá khả quan, góp phần giảm giá thành sản phẩm cuối cùng, dẫn đến mức lợi nhuận khá ổn.
Khang An thể hiện sự năng động và nỗ lực rất lớn trong việc nghiên cứu sản phẩm mới, chế biến sâu mang tính chiến lược, điển hình là năm nay tỉ suất lợi nhuận của Khang An đã tăng vượt trội.

## 4. Kế hoạch hoạt động thời gian tới của BKS.

Kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động quản trị, điều hành và sản xuất kinh doanh của công ty đảm bảo công khai, minh bạch và cung cấp thông tin đến cổ đông khi có yêu cầu theo Luật định và Điều lệ hoạt động của công ty.

Kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh của công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua, soát xét báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo bán niên, báo cáo hàng năm.

Các công việc khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của luật doanh nghiệp và điều lệ công ty.

**5. Kiến nghị.**

Công ty cần cải tiến đa dạng hóa sản phẩm nhưng phù hợp với điều kiện nhà xưởng, đẩy mạnh sản xuất sản phẩm chế biến sâu, giá trị gia tăng như tôm bao bột, tôm duỗi, tôm chiên…tập trung tìm vào phân khúc thị trường cao cấp để có thể tăng được quy mô chế biến và tiêu thụ.

Toàn bộ vùng nuôi của công ty chính thức vận hành trong năm nay, hi vọng sẽ cải thiện biên lợi nhuận thông qua khả năng tự chủ nguyên liệu đầu vào, phấn đấu đạt sản lượng tối đa và giảm chi phí, tăng hiệu quả.

Những khó khăn đang diễn ra sẽ còn tiếp tục kéo dài trong năm nên chúng ta cần tiết kiệm mọi mặt, phát huy tinh thần trách nhiệm cao và chú trọng tính chuyên nghiệp trong công việc.

Từng bước tìm giải pháp làm tăng năng suất lao động, thông qua việc tổ chức điều động, sắp xếp, bố trí lực lượng lao động hiện có một cách hợp lý, cải tiến thiết bị máy móc nhằm tạo bước đột phá trong việc giảm giá thành sản phẩm.

Trước khởi xướng điều tra chống trợ cấp của Mỹ với tôm Việt Nam, công ty cần chuẩn bị mọi mặt và tích cực để đáp ứng yêu cầu hồ sơ từ phía Mỹ, công ty nên tiếp tục tăng cường phát triển thị trường Nhật Bản, duy trì các thị trường đang có, chú trọng tìm hiểu từng bước thâm nhập thị trường Trung Quốc.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2023, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính chúc quý cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt, chúc đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng !

Nơi nhận:
- Cổ đông công ty;
- Hội đồng quản trị;
- Các thành viên BKS;
- Lưu.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Lưu Nguyễn Trúc Dung

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
-----oOo-----
Sóc Trăng, ngày 19 tháng 4 năm 2024

# BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2023 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG 2024

DIỄN TIẾN NĂM 2023:

Năm 2023 đã đi qua với nhiều khó khăn và biến động trong môi trường hoạt động ngành tôm Việt, như lạm phát suy thoái, như tôm giá rẻ có sức cung lớn… trong khi giá thành tôm nuôi Việt cao và lĩnh vực nuôi tôm bị dịch bệnh khá nặng nề. Cuối năm thêm phức tạp với vụ kiện chống trợ cấp ngành tôm từ Hoa Kỳ.

Trước tình hình này, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã có sách lược ứng phó khó khăn và thống nhất trong Ban Tổng giám đốc để thực thi sao nhanh nhất và hiệu quả tốt nhất. Song song luôn coi trọng việc nắm bắt tình hình, tận dụng cơ hội kinh doanh.

FMC cạnh tranh tôm giá rẻ thông qua cải tiến, tiết kiệm tối đa chi phí; thông qua tập trung kinh doanh hàng chế biến sâu, sản phẩm mới, khúc thị phần tôm giá rẻ chưa với tới.

FMC nỗ lực tăng mức tiêu thụ thông qua việc thường xuyên phối hợp các khách hàng lớn, nắm diễn tiến tình hình tiêu thụ để có đối sách nhằm giữ vững hệ thống khách hàng và người tiêu dùng cuối cùng của mình.

FMC giữ vững thành quả nuôi tôm thông qua coi trọng việc an toàn sinh học vùng nuôi và giám sát thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc, hạn chế tối đa lây lan dịch bệnh. Song song cũng tìm nguồn cung ứng tôm giống tốt nhất để tăng tỉ lệ nuôi thành công.

FMC tranh thủ cơ hội kinh doanh qua việc tổ chức nuôi mùa nghịch, tuy rủi ro sẽ tăng nhưng tận dụng được giá cả tốt từ quy luật cung cầu.

Trong năm HĐQT đã có 6 cuộc họp định kỳ và bất thường, cũng như đưa ra nhiều Nghị quyết quan trọng nhằm bảo đảm cho hoạt động chung thông suốt. Ngoài ra một thành viên Ban TGĐ miễn nhiệm vì nghỉ hưu.

Trong năm đã chi thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát số tiền 1.032 triệu đồng, mức cho phép của đại hội là 1.000 triệu đồng.

Cổ tức dự kiến là 20% mệnh giá, sẽ chi trả sớm trong quý 2 năm 2024 ngay sau đại hội đồng cổ đông này thông qua.

Nhìn chung, công việc thường xuyên luôn được duy trì là sự phối hợp giữa HĐQT và Ban điều hành để kịp thời có những quyết sách phù hợp, góp phần đưa hoạt động FMC vượt qua khó khăn và quan trọng hơn là đạt những thành quả đáng khích lệ trong

bối cảnh đầy biến động của kinh tế thế giới. Tuy nhiên, để tránh chủ quan, cần có những nhận xét, đánh giá của các thành viên HĐQT độc lập. Xin mời coi các tài liệu đính kèm.

TÌNH HÌNH NĂM 2024:

Khó khăn đã có chưa giảm nhiệt thì thêm khó khăn mới là vụ kiện chống trợ cấp ngành tôm từ Hoa Kỳ, hệ lụy là vụ kiện chống bán phá giá cũng từ nguyên đơn này sẽ được hâm nóng, gây rủi ro cho các lô hàng bán vào thị trường này vì có thể bất ngờ bị áp thuế sau khi có mức thuế sơ bộ.

Trước tình hình này, đối sách FMC đã triển khai là chuẩn bị sổ sách tốt nhất giải trình phía Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) nếu bị yêu cầu. Song song sẽ nộp đơn lên DOC xin làm bị đơn bắt buộc cho vụ kiện chống bán phá giá nhằm tạo an toàn cho mình (và cả KAF) và tiếp đoàn FDA Hoa Kỳ qua kiểm tra nhà máy Tin An đạt kết quả tốt nhất.

Ứng xử tình hình khó khăn về thị trường sẽ duy trì các giải pháp đang có và linh hoạt tối đa nhằm tận dụng mọi cơ hội, trong đó sẽ chú ý tìm hiểu cơ hội tại thị trường Trung Quốc.

Khó khăn trong nuôi tôm sẽ tìm cách ứng xử hữu hiệu thông qua tìm tòi, kịp thời rút kinh nghiệm để điều chỉnh, hoàn thiện quy trình nuôi phù hợp tình hình thực tế. Song song sẽ nghiên cứu giải pháp có nguồn tôm giống không nhiễm bệnh và kháng bệnh.

Lĩnh vực tài chánh sẽ chú ý diễn tiến tỉ giá và lãi suất để có phương án vay vốn tiết kiệm chi phí nhất.

Bên cạnh đó, sợi chỉ xuyên suốt là FMC coi trọng các giải pháp phát triển bền vững, góp phần giảm thiểu tối đa phát thải và sử dụng tiết kiệm nhất tài nguyên thiên nhiên. Tiếp tục theo đuổi chương trình DN bền vững (CSI) do VCCI triển khai và nỗ lực đứng trong top 100 DN Việt bền vững năm 2024. Đồng thời duy trì tốt các chứng nhận tiêu chuẩn quốc tế đã đạt như BAP, ASC, CSI, FAIR TRADE…

HĐQT sẽ định hình chiến lược hoạt động FMC giai đoạn 2026-2030 càng sớm càng tốt.

Về cổ tức, nỗ lực thấp nhất là 20% trên mệnh giá.

Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát là 1.000 triệu đồng. Hoàn thành kế hoạch thưởng 2%, phần vượt kế hoạch thưởng 5%, tất cả tính sau thuế.

3. KẾT LUẬN

FMC đã vượt qua rất nhiều thử thách trong hơn 20 năm qua, đã tích lũy nhiều kinh nghiệm cũng như nâng cao bản lĩnh ứng xử. Trước tình hình hiện nay, FMC tiếp tục nêu cao tinh thần đoàn kết, chung tay tiếp tục khắc phục khó khăn để có kết quả hoạt động khả quan, đáp ứng kỳ vọng nội bộ cũng như các nhà đầu tư, cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
---oOo---
Sóc Trăng, ngày 19 tháng 4 năm 2024

# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ
# CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

## 1. HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Trong năm đã có 6 cuộc họp định kỳ và bất thường, cũng như đưa ra nhiều Nghị quyết quan trọng nhằm bảo đảm cho hoạt động chung thông suốt. Những nội dung cụ thể được nêu trong Báo cáo quản trị năm 2023 (đã được công bố thông tin trên phương tiện đại chúng), đó là:

- Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2022 và Báo cáo Tài chính kiểm toán 2022, Kế hoạch hoạt động năm 2023.
- Thông qua các hồ sơ, tài liệu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 và ấn định tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.
- Quyết định việc chi cổ tức bằng tiền mặt cho năm 2022 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2023.
- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động hàng quý và phương hướng hoạt động cho những tháng còn lại của năm.
- Hoàn thiện chiến lược 5 năm 2021-2025.
- Thông qua các giao dịch liên quan cho năm 2023 và 2024.
- Thông qua Phương án SXKD 2023, các hồ sơ hạn mức tín dụng vay Ngân hàng.
- Thống nhất giao cho Tổng Giám đốc được thế chấp các tài sản của Công ty liên quan đến giao dịch tín dụng tại các Ngân hàng thương mại, đồng thời giao Tổng giám đốc ký kết các giao dịch tín dụng tại các Ngân hàng này trong năm 2023 cũng như cho năm 2024.
- Lựa chọn và ký hợp đồng với Công ty kiểm toán phía năm (AASCS) thực hiện kiểm toán nội bộ năm 2023.
- Lựa chọn và ký hợp đồng với Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện kiểm toán BCTC năm 2023 theo Nghị quyết số 023/NQ_ĐHĐCĐ ngày 07/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.
- Chấp thuận giao dịch liên quan đến Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN (PAN FOOD), là công ty thành viên của PAN GROUP, và chấp nhận cho công ty này được vay số tiền không quá 230 tỉ (dưới 35% tổng giá trị tài sản tại Báo cáo tài chính gần nhất) với thời hạn cho vay không quá 6 tháng.
- Tổng kết hoạt động 9 tháng đầu năm 2023, tình hình hoạt động quý 4/2023. Qua đó, HĐQT thống nhất điều chỉnh các chỉ tiêu hoạt động năm 2023 (điều chỉnh giảm so với kế hoạch 2023 được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thông qua ở tháng 4/2023) để phù hợp với tình hình khó khăn chung.
- Chấp thuận chấp dứt hoạt động Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta – Xí nghiệp Thủy sản Sao Ta (Mã số thuế: 2200208753-002) kể từ ngày 27/12/2023.

## 2. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

### *2.1 Sự phối hợp giữa HĐQT và Ban điều hành*

HĐQT tổ chức họp để đánh giá các vấn đề liên quan đến kế hoạch đầu tư, chiến lược mới, Ban điều hành cập nhật tình hình sản xuất kinh doanh nhằm giúp HĐQT và Ban điều hành phối hợp cân nhắc và đưa ra các quyết sách phù hợp với tình hình hoạt động và chiến lược phát triển công ty.

### *2.2 Đánh giá về hoạt động HĐQT*

Các thành viên HĐQT thực hiện công việc với tinh thần trách nhiệm, tính chuyên nghiệp, đồng thời thực hiện đúng vai trò thành viên HĐQT của mình.

Trên đây là báo cáo đánh giá về hoạt động HĐQT Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta trong năm 2023 của thành viên HĐQT độc lập.

**Thành viên HĐQT độc lập**

**ADISAK TORSAKUL**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
---oOo---
Sóc Trăng, ngày 19 tháng 4 năm 2024

# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ
# CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

## I. HOẠT ĐỘNG NĂM 2023:

Trong năm đã có 6 cuộc họp định kỳ và bất thường, cũng như đưa ra nhiều Nghị quyết quan trọng nhằm bảo đảm cho hoạt động chung thông suốt. Những nội dung cụ thể được nêu trong Báo cáo quản trị năm 2023 (đã được công bố thông tin trên phương tiện đại chúng), đó là:

- Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2022 và Báo cáo Tài chính kiểm toán 2022, Kế hoạch hoạt động năm 2023.
- Thông qua các hồ sơ, tài liệu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 và ấn định tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.
- Quyết định việc chi cổ tức bằng tiền mặt cho năm 2022 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2023.
- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động hàng quý và phương hướng hoạt động cho những tháng còn lại của năm.
- Hoàn thiện chiến lược 5 năm 2021-2025.
- Thông qua các giao dịch liên quan cho năm 2023 và 2024.
- Thông qua Phương án SXKD 2023, các hồ sơ hạn mức tín dụng vay Ngân hàng.
- Thống nhất giao cho Tổng Giám đốc được thế chấp các tài sản của Công ty liên quan đến giao dịch tín dụng tại các Ngân hàng thương mại, đồng thời giao Tổng giám đốc ký kết các giao dịch tín dụng tại các Ngân hàng này trong năm 2023 cũng như cho năm 2024.
- Lựa chọn và ký hợp đồng với Công ty kiểm toán phía năm (AASCS) thực hiện kiểm toán nội bộ năm 2023.
- Lựa chọn và ký hợp đồng với Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện kiểm toán BCTC năm 2023 theo Nghị quyết số 023/NQ_ĐHĐCĐ ngày 07/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.
- Chấp thuận giao dịch liên quan đến Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN (PAN FOOD), là công ty thành viên của PAN GROUP, và chấp nhận cho công ty này được vay số tiền không quá 230 tỉ (dưới 35% tổng giá trị tài sản tại Báo cáo tài chính gần nhất) với thời hạn cho vay không quá 6 tháng.
- Tổng kết hoạt động 9 tháng đầu năm 2023, tình hình hoạt động quý 4/2023. Qua đó, HĐQT thống nhất điều chỉnh các chỉ tiêu hoạt động năm 2023 (điều chỉnh giảm so với kế hoạch 2023 được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thông qua ở tháng 4/2023) để phù hợp với tình hình khó khăn chung.
- Chấp thuận chấp dứt hoạt động Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta – Xí nghiệp Thủy sản Sao Ta (Mã số thuế: 2200208753-002) kể từ ngày 27/12/2023

## II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

2.1 ***Sự phối hợp giữa HĐQT và Ban điều hành***:

Công việc thường xuyên luôn được duy trì là sự phối hợp giữa HĐQT và Ban điều hành để kịp thời có những quyết sách phù hợp, góp phần đưa hoạt động FMC vượt qua khó khăn và quan trọng hơn là đạt những thành quả đáng khích lệ trong bối cảnh đầy biến động của kinh tế thế giới.

2.2 ***Phân công các thành viên HĐQT:***

HĐQT có phân công cụ thể từng thành viên. Qua đó, các thành viên độc lập có những hỗ trợ tích cực cho công ty về các mặt như về tổ chức nhân sự, về đẩy mạnh hoạt động nuôi tôm, … nhất là trong phân tích nguyện vọng nhà đầu tư và sự phối hợp các bên để có tiếng nói thống nhất, thúc đẩy hoạt động FMC theo hướng ổn định và bền vững hơn.

2.3 ***Nhận xét hoạt động của HĐQT***: Hoàn toàn nhất trí với nội dung báo cáo của Hội đồng quản trị trình tại đại hội.

2.4 ***Nội dung khác***:

Các khoản chi thù lao, lợi ích khác của HĐQT, BKS và các giao dịch liên quan khác được công ty công bố trên Báo cáo tài chính thường kỳ.

**Thành viên HĐQT độc lập**

**Nguyễn Văn Khải**

| | |
|---|---|
| **CTY CP TP SAO TA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| ---o0o--- | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 05/TT_ĐHĐCĐ | ---o0o--- |
| | *Sóc Trăng, ngày 19 tháng 04 năm 2024* |

# TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

## THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN CHI CỔ TỨC 2023, CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH 2024

**Kính gửi:** **Đại hội đồng cổ đông**
**Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta**

Căn cứ báo cáo của Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta **("Công ty")**, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 **("Đại hội")** biểu quyết thông qua các nội dung như sau:

1. **THÔNG QUA MỨC CHI CỔ TỨC 2023**

- Mức chi: 20%/mệnh giá cổ phiếu (2.000 đ/ cổ phiếu) so với kế hoạch là 20%/mệnh giá cổ phiếu (2.000 đ/cổ phiếu);
- Thời gian thực hiện: Ngay sau khi có Nghị quyết của Đại hội thông qua.

2. **THÔNG QUA CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2024**

- Tổng doanh thu thuần hợp nhất : 5.187 tỉ đồng;
- Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất : 320 tỉ đồng;
- Mức chi cổ tức bằng tiền mặt thấp nhất: 20%/mệnh giá cổ phiếu (2.000 đ/CP). Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét cho ứng trước số cổ tức ở từng thời điểm phù hợp.

3. **THƯỞNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM 2024**

Nếu hoàn thành kế hoạch tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất thì: (1) thưởng 2% trên lợi nhuận sau thuế công ty mẹ ; (2) thưởng 5% trên mức vượt phần lợi nhuận sau thuế công ty mẹ.

4. **MỨC THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024: 1 tỉ đồng.**

Kính trình Đại hội đồng thông qua các nội dung nêu trên.

Xin trân trọng cám ơn.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Chủ tịch HĐQT**

**HỒ QUỐC LỰC**

# Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Building a better working world

# Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

**NỘI DUNG**


| | *Trang* |
|---|---|
| Thông tin chung | 1 |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 3 - 4 |
| Bảng cân đối kế toán riêng | 5 - 6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng | 8 - 9 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính riêng | 10 - 36 |

# Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

THÔNG TIN CHUNG

## CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty") là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ việc cổ phần hóa Công ty Thực phẩm Xuất Nhập khẩu Sóc Trăng theo Quyết định số 346/QĐ-TCCB02 ngày 9 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") Số 2200208753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2002, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Vào ngày 7 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã FMC theo Giấy phép niêm yết số 66/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện hành của Công ty là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | |
|---|---|
| Ông Hồ Quốc Lực | Chủ tịch |
| Bà Nguyễn Thị Trà My | Phó Chủ tịch |
| Ông Phạm Hoàng Việt | Thành viên |
| Ông Tô Minh Chẳng | Thành viên |
| Ông Adisak Torsakul | Thành viên độc lập |
| Ông Nguyễn Văn Khải | Thành viên độc lập |

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | |
|---|---|
| Bà Lưu Nguyễn Trúc Dung | Trưởng ban |
| Ông Lý Thái Hưng | Thành viên |
| Bà Lý Thị Kim Yến | Thành viên |

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | | |
|---|---|---|
| Ông Phạm Hoàng Việt | Tổng Giám đốc | |
| Bà Lê Ngọc Hương | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Mã Ích Hưng | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Hoàng Thanh Vũ | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Đinh Văn Thới | Phó Tổng Giám đốc | miễn nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2023 |

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Hoàng Việt.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đề ngày 25 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

M.S.D.N: 2200208753 - C.T.C.P
CÔNG TY CP THỰC PHẨM SAO TA
T.P SÓC TRĂNG - T. SÓC TRĂNG

Phạm Hoàng Việt
Tổng Giám đốc

Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 11604265/66920349

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty"), được lập vào ngày 25 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

## *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



A member firm of Ernst & Young Global Limited

Building a better working world

***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

M.S.D.N: 0300811002 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM - QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

| | |
|---|---|
| Nguyễn Tôn Như Quỳnh | Nguyễn Thùy Trang |
| Phó Tổng Giám đốc | Kiểm toán viên |
| Giấy CNĐKHN kiểm toán | Giấy CNĐKHN kiểm toán |
| Số: 3040-2024-004-1 | Số: 3213-2020-004-1 |

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024



A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **100** | **A. TÀI SẢN NGẮN HẠN** | | **1.626.978.233.733** | **1.391.759.665.571** |
| ***110*** | ***I. Tiền và các khoản tương đương tiền*** | ***4*** | ***431.677.642.136*** | ***487.938.000.921*** |
| 111 | 1. Tiền | | 23.506.596.136 | 249.943.421.524 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 408.171.046.000 | 237.994.579.397 |
| ***120*** | ***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn*** | ***5*** | ***46.807.519.173*** | ***10.459.845.925*** |
| 123 | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | 46.807.519.173 | 10.459.845.925 |
| ***130*** | ***III. Các khoản phải thu ngắn hạn*** | | ***369.272.110.633*** | ***146.822.386.800*** |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 6 | 133.454.027.784 | 108.204.494.126 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 7 | 10.643.606.516 | 32.200.857.080 |
| 135 | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 8 | 217.000.000.000 | - |
| 136 | 4. Phải thu ngắn hạn khác | 9 | 8.174.476.333 | 6.417.035.594 |
| ***140*** | ***IV. Hàng tồn kho*** | ***10*** | ***712.613.840.295*** | ***701.750.080.358*** |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 712.613.840.295 | 701.750.080.358 |
| ***150*** | ***V. Tài sản ngắn hạn khác*** | | ***66.607.121.496*** | ***44.789.351.567*** |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 15 | 43.071.542.507 | 19.631.263.187 |
| 152 | 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 18 | 23.535.578.989 | 25.158.088.380 |
| **200** | **B. TÀI SẢN DÀI HẠN** | | **1.183.065.475.693** | **1.065.916.752.958** |
| ***220*** | ***I. Tài sản cố định*** | | ***638.726.375.731*** | ***209.278.539.506*** |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 11 | 638.066.285.013 | 208.597.698.337 |
| 222 | Nguyên giá | | 1.227.396.201.384 | 707.635.869.609 |
| 223 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (589.329.916.371) | (499.038.171.272) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 12 | 660.090.718 | 680.841.169 |
| 228 | Nguyên giá | | 1.770.215.710 | 1.770.215.710 |
| 229 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (1.110.124.992) | (1.089.374.541) |
| ***240*** | ***II. Tài sản dở dang dài hạn*** | | ***42.602.493.408*** | ***392.639.247.012*** |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 13 | 42.602.493.408 | 392.639.247.012 |
| ***250*** | ***III. Đầu tư tài chính dài hạn*** | ***14*** | ***379.092.425.225*** | ***380.898.720.000*** |
| 251 | 1. Đầu tư vào công ty con | | 379.092.425.225 | 380.898.720.000 |
| ***260*** | ***IV. Tài sản dài hạn khác*** | | ***122.644.181.329*** | ***83.100.246.440*** |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 15 | 117.930.216.920 | 77.759.962.287 |
| 262 | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 30.3 | 4.713.964.409 | 5.340.284.153 |
| **270** | **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | | **2.810.043.709.426** | **2.457.676.418.529** |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **300** | **C. NỢ PHẢI TRẢ** | | **807.533.446.859** | **549.716.073.538** |
| ***310*** | ***I. Nợ ngắn hạn*** | | ***798.502.114.109*** | ***541.161.125.788*** |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 16 | 101.633.578.115 | 72.153.759.363 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 17 | 12.128.420 | 16.444.726.250 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 18 | 6.383.648.578 | 5.938.229.511 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 35.196.275.504 | 134.183.182.597 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 19 | 40.981.433.737 | 46.904.618.285 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | 20 | 332.587.938 | 7.484.385.717 |
| 320 | 7. Vay ngắn hạn | 21 | 563.478.678.935 | 234.392.400.000 |
| 322 | 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 22 | 50.483.782.882 | 23.659.824.065 |
| ***330*** | ***II. Nợ dài hạn*** | | ***9.031.332.750*** | ***8.554.947.750*** |
| 337 | 1. Phải trả dài hạn khác | 20 | 585.000.000 | 585.000.000 |
| 342 | 2. Dự phòng phải trả dài hạn | 3.10 | 8.446.332.750 | 7.969.947.750 |
| **400** | **D. VỐN CHỦ SỞ HỮU** | | **2.002.510.262.567** | **1.907.960.344.991** |
| ***410*** | ***I. Vốn chủ sở hữu*** | ***23.1*** | ***2.002.510.262.567*** | ***1.907.960.344.991*** |
| 411 | 1. Vốn cổ phần | | 653.888.890.000 | 653.888.890.000 |
| *411a* | *- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết* | | *653.888.890.000* | *653.888.890.000* |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 593.681.126.002 | 593.681.126.002 |
| 421 | 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 754.940.246.565 | 660.390.328.989 |
| *421a* | *- Lợi nhuận sau thuế lũy kế chưa phân phối đến cuối năm trước* | | *490.648.583.936* | *344.340.859.964* |
| *421b* | *- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay* | | *264.291.662.629* | *316.049.469.025* |
| **440** | **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | | **2.810.043.709.426** | **2.457.676.418.529** |

CÔNG TY CP THỰC PHẨM SAO TA

| Lý Thị Thu Hồng | Tô Minh Chẳng | Phạm Hoàng Việt |
|---|---|---|
| Người lập | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |

Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

*VND*

| *Mã số* | *CHỈ TIÊU* | *Thuyết minh* | *Năm nay* | *Năm trước* |
|---|---|---|---|---|
| 01 | **1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** | 24.1 | **3.857.738.099.891** | **4.307.712.363.748** |
| 02 | **2. Các khoản giảm trừ doanh thu** | 24.1 | **(1.688.007.779)** | **(5.310.972.000)** |
| 10 | **3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ** | 24.1 | **3.856.050.092.112** | **4.302.401.391.748** |
| 11 | **4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp** | 25 | **(3.465.913.875.227)** | **(3.769.699.866.246)** |
| 20 | **5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ** | | **390.136.216.885** | **532.701.525.502** |
| 21 | **6. Doanh thu hoạt động tài chính** | 24.2 | **63.331.774.129** | **66.001.949.159** |
| 22 | **7. Chi phí tài chính** | 26 | **(35.202.047.047)** | **(20.421.463.015)** |
| 23 | *Trong đó: Chi phí lãi vay* | | *(15.724.340.146)* | *(7.497.586.582)* |
| 25 | **8. Chi phí bán hàng** | 27 | **(100.169.395.046)** | **(188.692.823.126)** |
| 26 | **9. Chi phí quản lý doanh nghiệp** | 28 | **(52.378.317.814)** | **(68.042.567.885)** |
| 30 | **10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** | | **265.718.231.107** | **321.546.620.635** |
| 31 | **11. Thu nhập khác** | | **678.486.940** | **2.252.897.465** |
| 32 | **12. Chi phí khác** | | **(37.298.449)** | **(456.702.316)** |
| 40 | **13. Lợi nhuận khác** | | **641.188.491** | **1.796.195.149** |
| 50 | **14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | | **266.359.419.598** | **323.342.815.784** |
| 51 | **15. Chi phí thuế TNDN hiện hành** | 30.1 | **(1.441.437.225)** | **(8.179.192.455)** |
| 52 | **16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại** | 30.3 | **(626.319.744)** | **885.845.696** |
| 60 | **17. Lợi nhuận sau thuế TNDN** | | **264.291.662.629** | **316.049.469.025** |

CÔNG TY CP THỰC PHẨM SAO TA

| Lý Thị Thu Hồng | Tô Minh Chẳng | Phạm Hoàng Việt |
|---|---|---|
| Người lập | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |

Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

*VND*

| *Mã số* | *CHỈ TIÊU* | *Thuyết minh* | *Năm nay* | *Năm trước* |
|---|---|---|---|---|
| | **I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH** | | | |
| **01** | **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | | **266.359.419.598** | **323.342.815.784** |
| | *Điều chỉnh cho các khoản:* | | | |
| 02 | Khấu hao và hao mòn tài sản cố định | 11, 12 | 112.487.791.349 | 57.629.117.940 |
| 03 | Dự phòng | | 476.385.000 | 64.322.250 |
| 04 | Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | 406.700.856 | 3.284.611.217 |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | | (28.916.655.935) | (33.369.581.314) |
| 06 | Chi phí lãi vay | 26 | 15.724.340.146 | 7.497.586.582 |
| **08** | **Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động** | | **366.537.981.014** | **358.448.872.459** |
| 09 | (Tăng) giảm các khoản phải thu | | (9.782.771.278) | 169.043.733.303 |
| 10 | Tăng hàng tồn kho | | (10.863.759.937) | (174.805.169.212) |
| 11 | Giảm các khoản phải trả | | (106.920.309.549) | (6.732.603.091) |
| 12 | Tăng chi phí trả trước | | (63.610.533.953) | (7.544.939.841) |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | | (15.816.253.777) | (7.410.326.653) |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 18 | (4.059.423.168) | (4.700.000.000) |
| 17 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 22 | (12.140.008.236) | (10.954.414.364) |
| **20** | **Lưu chuyển tiền thuần từ vào hoạt động kinh doanh** | | **143.344.921.116** | **315.345.152.601** |
| | **II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ** | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định | | (168.711.843.826) | (341.977.385.939) |
| 22 | Tiền thu do thanh lý tài sản cố định | | 628.367.003 | 709.090.909 |
| 23 | Tiền chi cho vay và gửi ngân hàng có kỳ hạn | | (257.760.676.556) | (24.376.279.832) |
| 24 | Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn | | 4.413.003.308 | 38.701.032.058 |
| 25 | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | (180.498.720.000) |
| 26 | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 2.000.000.000 | - |
| 27 | Tiền thu lãi ngân hàng và cổ tức | | 21.824.614.406 | 33.920.061.869 |
| **30** | **Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư** | | **(397.606.535.665)** | **(473.522.200.935)** |
| | **III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH** | | | |
| 31 | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu mới | 23.1 | - | (4.300.000) |
| 33 | Tiền thu từ đi vay | 21 | 3.395.896.547.637 | 2.340.640.144.583 |
| 34 | Tiền trả nợ gốc vay | 21 | (3.067.109.281.702) | (2.290.291.918.503) |
| 36 | Cổ tức đã trả | 23.2 | (130.777.778.000) | (130.777.778.000) |
| **40** | **Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính** | | **198.009.487.935** | **(80.433.851.920)** |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

*VND*

| *Mã số* | *CHỈ TIÊU* | *Thuyết minh* | *Năm nay* | *Năm trước* |
|---|---|---|---|---|
| **50** | **Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm** | | **(56.252.126.614)** | **(238.610.900.254)** |
| **60** | **Tiền và tương đương tiền đầu năm** | | **487.938.000.921** | **729.329.600.684** |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | (8.232.171) | (2.780.699.509) |
| **70** | **Tiền và tương đương tiền cuối năm** | **4** | **431.677.642.136** | **487.938.000.921** |

| | | |
|---|---|---|
| Lý Thị Thu Hồng | Tô Minh Chẳng | Phạm Hoàng Việt |
| Người lập | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |

Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

## 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty") là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ việc cổ phần hóa Công ty Thực phẩm Xuất Nhập khẩu Sóc Trăng theo Quyết định số 346/QĐ-TCCB02 ngày 9 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") Số 2200208753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2002, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Vào ngày 7 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã FMC theo Giấy phép niêm yết số 66/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 3.910 (ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 3.724).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đề ngày 25 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

### 2.2 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### *2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)*

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### *2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

### *2.4 Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### *2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### *3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### *3.2 Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

### *3.3 Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.3 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Hàng tồn kho được Công ty ghi nhận với phương pháp như sau:

| | |
|---|---|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa | - kê khai thường xuyên, chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm | - kiểm kê định kỳ, giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - kiểm kê định kỳ, giá vốn nguyên vật liệu trực tiếp, bao gồm chi phí con giống và chi phí thức ăn. |

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

### 3.4 *Tài sản cố định*

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước năm 2003 theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

### 3.5 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|---|---|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 5 - 25 năm |
| Máy móc và thiết bị | 4 - 10 năm |
| Phương tiện vận tải | 6 - 10 năm |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 7 năm |
| Quyền sử dụng đất | 39 - 50 năm |
| Phần mềm vi tính | 3 - 6 năm |
| Tài sản khác | 5 - 6 năm |

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### *3.6 Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm khi phát sinh.

### *3.7 Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

*Công cụ dụng cụ*

Công cụ dụng cụ với giá trị lớn xuất dùng trong nhiều năm được hạch toán vào khoản mục chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm:

- Số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng vào ngày 13 tháng 6 năm 2007, ngày 4 tháng 10 năm 2012, ngày 4 tháng 2 năm 2020 và ngày 4 tháng 3 năm 2020 trong thời hạn từ 48 - 50 năm; và
- Giá trị quyền sử dụng đất khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn sau năm 2003.

Theo Thông tư 45, các khoản tiền thuê đất nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng còn lại.

### *3.8 Các khoản đầu tư*

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

### *3.9 Các khoản phải trả và chi phí phải trả*

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### *3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

### *3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

### *3.12 Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

- *Quỹ khen thưởng phúc lợi*

  Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.13 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ ủy thác xuất khẩu*

Doanh thu cung cấp dịch vụ ủy thác xuất khẩu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

### 3.14 *Thuế*

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### *3.14 Thuế* (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại* (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

### *3.15 Thông tin theo bộ phận*

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính hiện nay của Công ty là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh – thủy sản và khu vực địa lý – Việt Nam. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

### *3.16 Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

## 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

*VND*

| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|
| Tiền mặt tại quỹ | 1.635.121.523 | 1.164.913.487 |
| Tiền gửi ngân hàng | 21.871.474.613 | 248.778.508.037 |
| Các khoản tương đương tiền *(*)* | 408.171.046.000 | 237.994.579.397 |
| **TỔNG CỘNG** | **431.677.642.136** | **487.938.000.921** |

*(*)* Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 2,5% đến 4,25%/năm.

## 5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ sáu (6) tháng đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 3,75% đến 8,2%/năm.

## 6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

*VND*

| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|
| Kyokuyo Co.,Ltd | 38.240.015.240 | 38.168.101.142 |
| Amanda Seafood Private Limited | 37.275.564.525 | 12.130.621.920 |
| Mazzetta Company, LLc., | 26.066.299.000 | 6.739.117.200 |
| K&H Food Impex GmbH (Yuu'n Mee) | 3.843.890.400 | 11.011.127.520 |
| Các khách hàng khác | 28.028.258.619 | 40.155.526.344 |
| **TỔNG CỘNG** | **133.454.027.784** | **108.204.494.126** |

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 21*, Công ty đã thế chấp các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

## 7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

*VND*

| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|
| Trả trước cho bên khác | 6.290.974.242 | 32.200.187.987 |
| - *Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng Việt Kiến Tường* | *1.709.100.000* | *18.411.455.640* |
| - *Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Liên Phát* | - | *8.757.744.000* |
| - *Các bên khác* | *4.581.874.242* | *5.030.988.347* |
| Trả trước cho bên liên quan *(Thuyết minh số 31)* | 4.352.632.274 | 669.093 |
| **TỔNG CỘNG** | **10.643.606.516** | **32.200.857.080** |

## 8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Số cuối năm thể hiện các khoản cho vay tín chấp ngắn hạn cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Pan theo hợp đồng cho vay số 1608/2023/HDV/FMC-PANFOOD với kỳ hạn sáu (6) tháng và hưởng lãi suất 6,5%/ năm *(Thuyết minh số 31)*.

## 9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

*VND*

| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|
| Trích trước lãi tiền gửi, lãi cho vay | 7.217.928.428 | 947.959.127 |
| Tạm ứng cho nhân viên | 342.626.616 | 230.008.795 |
| Chi hộ | 154.173.608 | 281.181.028 |
| Ký quỹ dự án nhà máy Thủy sản Sao Ta | - | 4.200.000.000 |
| Phải thu khác | 459.747.681 | 757.886.644 |
| **TỔNG CỘNG** | **8.174.476.333** | **6.417.035.594** |
| *Trong đó:* | | |
| *Phải thu khác từ bên khác* | *3.129.702.088* | *6.410.881.606* |
| *Phải thu khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 31)* | *5.044.774.245* | *6.153.988* |

## 10. HÀNG TỒN KHO

*VND*

| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|
| Thành phẩm | 553.301.008.156 | 513.157.956.045 |
| Hàng gửi đi bán | 48.869.258.091 | 97.141.138.940 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 41.625.117.476 | - |
| Nguyên vật liệu | 40.961.973.582 | 40.147.754.477 |
| Công cụ, dụng cụ và bao bì | 26.800.073.790 | 38.991.052.628 |
| Hàng mua đang đi trên đường | 1.056.409.200 | 12.312.178.268 |
| **TỔNG CỘNG** | **712.613.840.295** | **701.750.080.358** |

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 21*, Công ty đã thế chấp toàn bộ hàng tồn kho, ngoại trừ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Công ty.

## 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

*VND*

| | *Nhà cửa và vật kiến trúc* | *Máy móc và thiết bị* | *Phương tiện vận tải* | *Thiết bị văn phòng* | *Tài sản khác* | *Tổng cộng* |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Nguyên giá:** | | | | | | |
| Số đầu năm | 218.067.298.070 | 411.449.374.317 | 58.957.458.236 | 12.095.258.391 | 7.066.480.595 | 707.635.869.609 |
| Mua mới | - | 80.792.251.430 | 6.763.640.148 | 496.717.272 | 3.817.340.239 | 91.869.949.089 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành | 312.812.515.382 | 135.241.945.061 | - | 1.243.338.769 | 767.879.273 | 450.065.678.485 |
| Thanh lý, xóa sổ | (145.100.000) | (17.754.875.214) | (469.286.611) | (1.855.790.346) | (1.950.243.628) | (22.175.295.799) |
| Số cuối năm | 530.734.713.452 | 609.728.695.594 | 65.251.811.773 | 11.979.524.086 | 9.701.456.479 | 1.227.396.201.384 |
| *Trong đó:* | | | | | | |
| *Đã khấu hao hết* | *65.356.129.282* | *252.632.726.955* | *11.500.368.900* | *8.090.805.154* | *4.351.429.417* | *341.931.459.708* |
| **Giá trị khấu hao lũy kế:** | | | | | | |
| Số đầu năm | 119.758.634.686 | 328.825.543.527 | 33.076.110.309 | 10.648.856.614 | 6.729.026.136 | 499.038.171.272 |
| Khấu hao trong năm | 52.468.108.498 | 51.278.337.693 | 7.012.147.674 | 1.140.638.669 | 567.808.364 | 112.467.040.898 |
| Thanh lý, xóa sổ | (145.100.000) | (17.754.875.214) | (469.286.611) | (1.855.790.346) | (1.950.243.628) | (22.175.295.799) |
| Số cuối năm | 172.081.643.184 | 362.349.006.006 | 39.618.971.372 | 9.933.704.937 | 5.346.590.872 | 589.329.916.371 |
| **Giá trị còn lại:** | | | | | | |
| Số đầu năm | 98.308.663.384 | 82.623.830.790 | 25.881.347.927 | 1.446.401.777 | 337.454.459 | 208.597.698.337 |
| Số cuối năm | 358.653.070.268 | 247.379.689.588 | 25.632.840.401 | 2.045.819.149 | 4.354.865.607 | 638.066.285.013 |
| *Trong đó:* | | | | | | |
| *Tài sản sử dụng để thế chấp cho các khoản vay (Thuyết minh số 21)* | *206.414.102.209* | *13.878.723.253* | *956.250.000* | - | *67.410.504* | *221.316.485.966* |

## 12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

*VND*

| | *Quyền sử dụng đất* | *Phần mềm vi tính* | *Tài sản khác* | *Tổng cộng* |
|---|---|---|---|---|
| **Nguyên giá:** | | | | |
| Số đầu năm và cuối năm | 1.085.118.900 | 485.595.610 | 199.501.200 | 1.770.215.710 |
| *Trong đó:* | | | | |
| *Đã hao mòn hết* | - | *485.595.610* | *199.501.200* | *685.096.810* |
| **Giá trị hao mòn lũy kế:** | | | | |
| Số đầu năm | 404.277.731 | 485.595.610 | 199.501.200 | 1.089.374.541 |
| Hao mòn trong năm | 20.750.451 | - | - | 20.750.451 |
| Số cuối năm | 425.028.182 | 485.595.610 | 199.501.200 | 1.110.124.992 |
| **Giá trị còn lại:** | | | | |
| Số đầu năm | 680.841.169 | - | - | 680.841.169 |
| Số cuối năm | 660.090.718 | - | - | 660.090.718 |

## 13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

*VND*

| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|
| Chi phí phát triển dự án nuôi tôm | 21.998.399.274 | 13.644.957.245 |
| Máy móc đang chờ lắp đặt | 20.218.385.952 | 1.644.934.507 |
| Dự án Nhà máy Thủy sản Sao Ta | 385.708.182 | 377.349.355.260 |
| **TỔNG CỘNG** | **42.602.493.408** | **392.639.247.012** |

## 14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

*VND*

| *Tên đơn vị* | *Số cuối năm* | | *Số đầu năm* | |
|---|---|---|---|---|
| | *Giá trị gốc* | *Dự phòng* | *Giá trị gốc* | *Dự phòng* |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An ("Khang An") | 180.400.000.000 | - | 180.400.000.000 | - |
| Công ty TNHH Vĩnh Thuận ("Vĩnh Thuận") | 198.692.425.225 | - | 200.498.720.000 | - |
| **TỔNG CỘNG** | **379.092.425.225** | **-** | **380.898.720.000** | **-** |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm giữ 51,54% (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 51,54%) quyền sở hữu và quyền biểu quyết trong Khang An.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm giữ 99,099% (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 100%) quyền sở hữu và 100 % quyền biểu quyết trong Vĩnh Thuận.

## 15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

*VND*

| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|
| **Ngắn hạn** | **43.071.542.507** | **19.631.263.187** |
| Công cụ và dụng cụ xuất dùng | 42.355.423.429 | 19.631.263.187 |
| Bảo hiểm xe ô tô | 716.119.078 | - |
| **Dài hạn** | **117.930.216.920** | **77.759.962.287** |
| Quyền sử dụng đất | 69.137.817.559 | 66.508.618.135 |
| Công cụ và dụng cụ xuất dùng | 44.641.385.339 | 8.754.416.799 |
| Chi phí cải tạo ao | 1.523.996.139 | 1.408.053.892 |
| Chi phí bảo trì tài sản cố định | 2.627.017.883 | 1.088.873.461 |
| **TỔNG CỘNG** | **161.001.759.427** | **97.391.225.474** |

## 16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

*VND*

| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|
| Phải trả cho các bên khác | 95.684.151.467 | 72.153.759.363 |
| - *Amanda Seafood Private Limited* | *47.181.818.020* | - |
| - *Laitram Machinery, Inc* | *11.794.860.000* | - |
| - *Kyokuyo Company Limited* | *8.591.833.077* | *16.046.188.976* |
| - *Công ty TNHH Bao bì Xuất khẩu và Thương mại Vạn Thành* | *4.029.334.399* | *4.806.564.981* |
| - *Ông Quách Hoàng Phong* | - | *20.000.000.000* |
| - *Các bên khác* | *24.010.516.971* | *31.301.005.406* |
| Phải trả cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 31)* | 5.949.426.648 | - |
| **TỔNG CỘNG** | **101.633.578.115** | **72.153.759.363** |

## 17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

*VND*

| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|
| Mazzetta Company, LLC | - | 16.436.714.000 |
| Các bên khác | 12.128.420 | 8.012.250 |
| **TỔNG CỘNG** | **12.128.420** | **16.444.726.250** |

## 18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

*VND*

| | *Số đầu năm* | *Số tăng trong năm* | *Số hoàn/giảm trong năm* | *Số cuối năm* |
|---|---|---|---|---|
| **Phải thu** | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 25.158.088.380 | 83.529.437.991 | (85.151.947.382) | 23.535.578.989 |
| **Phải nộp** | | | | |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.660.738.343 | 18.220.722.713 | (15.148.716.903) | 5.732.744.153 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.259.423.168 | 1.441.437.225 | (4.059.423.168) | 641.437.225 |
| Thuế tài nguyên môi trường | 18.068.000 | 180.812.000 | (189.412.800) | 9.467.200 |
| **TỔNG CỘNG** | **5.938.229.511** | **19.842.971.938** | **(19.397.552.871)** | **6.383.648.578** |

## 19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

*VND*

| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|
| Chi phí thuế chống bán phá giá *(*)* | 38.431.746.672 | 41.809.173.516 |
| Chi phí hoa hồng | 647.068.858 | 1.766.289.375 |
| Chi phí vận chuyển và cước tàu | 148.259.423 | 846.094.400 |
| Khác | 1.754.358.784 | 2.483.060.994 |
| **TỔNG CỘNG** | **40.981.433.737** | **46.904.618.285** |

*(*)* Công ty đang ước tính thuế chống bán phá giá theo tỷ lệ của POR gần nhất lần thứ 12 là năm 2016.

## 20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

*VND*

| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|
| **Ngắn hạn** | **332.587.938** | **7.484.385.717** |
| Kinh phí công đoàn | - | 5.026.631.242 |
| Thưởng hiệu quả nuôi tôm | - | 1.980.253.880 |
| Phải trả tiền hàng xuất khẩu ủy thác | - | 277.865.280 |
| Khác | 332.587.938 | 199.635.315 |
| **Dài hạn** | **585.000.000** | **585.000.000** |
| Nhận ký quỹ, ký cược | 585.000.000 | 585.000.000 |
| **TỔNG CỘNG** | **917.587.938** | **8.069.385.717** |
| *Trong đó:* | | |
| *Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)* | *7.305.238* | *286.320.518* |
| *Phải trả bên khác* | *910.282.700* | *7.783.065.199* |

## 21. VAY NGẮN HẠN

*VND*

| | *Số đầu năm* | *Số phát sinh trong năm* | | | *Số cuối năm* |
|---|---|---|---|---|---|
| | | *Tăng* | *Giảm* | *Chênh lệch tỷ giá* | |
| Vay ngân hàng | 234.392.400.000 | 3.395.896.547.637 | (3.067.109.281.702) | 299.013.000 | 563.478.678.935 |

Công ty có các khoản vay ngắn hạn ngân hàng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

| *Ngân hàng* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2023* | | *Kỳ hạn trả gốc* | *Lãi suất* | *Hình thức đảm bảo* |
|---|---|---|---|---|---|
| | *Số tiền (VND)* | *Nguyên tệ (USD)* | | *(%/năm)* | |
| ***Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Sóc Trăng*** | | | | | |
| Vay VND | 195.895.503.984 | - | Từ ngày 13 tháng 2 đến ngày 20 tháng 5 năm 2024 | 2,5 – 3 | Hàng tồn kho *(Thuyết minh số 10)* |
| ***Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng*** | | | | | |
| Vay USD | 195.937.316.000 | 8.052.000 | Từ ngày 25 tháng 1 đến ngày 26 tháng 3 năm 2024 | 4 | Hàng tồn kho *(Thuyết minh số 10)*<br>Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải *(Thuyết minh số 11)* |
| Vay VND | 124.955.965.194 | - | Từ ngày 30 tháng 1 đến ngày 23 tháng 3 năm 2024 | 2,5 – 3,5 | Nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị tại trại nuôi Tân Nam *(Thuyết minh số 11)* |
| ***Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng*** | | | | | |
| Vay VND | 46.689.893.757 | - | Từ ngày 25 tháng 3 đến ngày 27 tháng 3 năm 2024 | 2,5 | Quyền phải thu phát sinh từ hợp đồng thương mại *(Thuyết minh số 6)*<br>Hàng tồn kho *(Thuyết minh số 10)*<br>Nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị *(Thuyết minh số 11)* |
| **TỔNG CỘNG** | **563.478.678.935** | **8.052.000** | | | |

## 22. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

*VND*

| | *Năm nay* | *Năm trước* |
|---|---|---|
| Số đầu năm | 23.659.824.065 | 2.155.791.729 |
| Trích lập quỹ | 38.963.967.053 | 32.458.446.700 |
| Sử dụng quỹ | (12.140.008.236) | (10.954.414.364) |
| Số cuối năm | 50.483.782.882 | 23.659.824.065 |

## 23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### *23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

*VND*

| | *Vốn cổ phần* | *Thặng dư vốn cổ phần* | *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối* | *Tổng cộng* |
|---|---|---|---|---|
| **Năm trước** | | | | |
| Số đầu năm | 653.888.890.000 | 593.685.426.002 | 507.577.084.664 | 1.755.151.400.666 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | 316.049.469.025 | 316.049.469.025 |
| Cổ tức đã chi trả | - | - | (130.777.778.000) | (130.777.778.000) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | (32.458.446.700) | (32.458.446.700) |
| Chi phí phát hành cổ phiếu | - | (4.300.000) | - | (4.300.000) |
| Số cuối năm | 653.888.890.000 | 593.681.126.002 | 660.390.328.989 | 1.907.960.344.991 |
| **Năm nay** | | | | |
| Số đầu năm | 653.888.890.000 | 593.681.126.002 | 660.390.328.989 | 1.907.960.344.991 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | 264.291.662.629 | 264.291.662.629 |
| Cổ tức đã chi trả *(*)* | - | - | (130.777.778.000) | (130.777.778.000) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | (38.963.967.053) | (38.963.967.053) |
| Số cuối năm | 653.888.890.000 | 593.681.126.002 | 754.940.246.565 | 2.002.510.262.567 |

*(*)* Vào ngày 26 tháng 5 năm 2023, Công ty đã chi cổ tức năm 2022 bằng tiền tại mức 20% mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 11 tháng 4 năm 2023, phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ("NQĐHĐCĐ") thường niên năm 2023 ngày 7 tháng 4 năm 2023.

## 23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

### 23.2 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức*

*VND*

| | *Năm nay* | *Năm trước* |
|---|---|---|
| ***Vốn cổ phần đã phát hành*** | | |
| Số đầu năm và số cuối năm | 653.888.890.000 | 653.888.890.000 |
| ***Cổ tức*** | | |
| Cổ tức công bố | 130.777.778.000 | 130.777.778.000 |
| Cổ tức đã trả | 130.777.778.000 | 130.777.778.000 |

### 23.3 *Cổ phiếu*

| | *Số lượng* | |
|---|---|---|
| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
| Cổ phiếu được phép phát hành | 65.388.889 | 65.388.889 |
| Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ | | |
| *Cổ phiếu phổ thông* | *65.388.889* | *65.388.889* |
| Cổ phiếu đang lưu hành | | |
| *Cổ phiếu phổ thông* | *65.388.889* | *65.388.889* |

## 24. DOANH THU

### 24.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

*VND*

| | *Năm nay* | *Năm trước* |
|---|---|---|
| **Tổng doanh thu** | **3.857.738.099.891** | **4.307.712.363.748** |
| *Trong đó:* | | |
| *Doanh thu bán hàng thủy sản* | *3.857.689.099.891* | *4.307.604.363.748* |
| *Cung cấp dịch vụ ủy thác xuất khẩu* | *49.000.000* | *108.000.000* |
| **Trừ:** | **(1.688.007.779)** | **(5.310.972.000)** |
| *Hàng bán bị trả lại* | *(1.611.783.779)* | *(5.310.972.000)* |
| *Giảm giá hàng bán* | *(76.224.000)* | - |
| **DOANH THU THUẦN** | **3.856.050.092.112** | **4.302.401.391.748** |
| *Trong đó:* | | |
| *Doanh thu bán hàng thủy sản* | *3.856.001.092.112* | *4.302.293.391.748* |
| *Cung cấp dịch vụ ủy thác xuất khẩu* | *49.000.000* | *108.000.000* |
| *Trong đó:* | | |
| *Doanh thu đối với bên khác* | *3.850.010.855.362* | *4.272.573.004.198* |
| *Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 31)* | *6.039.236.750* | *29.828.387.550* |

### 24.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

*VND*

| | *Năm nay* | *Năm trước* |
|---|---|---|
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái | 35.043.485.197 | 32.758.132.361 |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 10.621.809.479 | 16.647.205.798 |
| Lãi cho vay | 5.038.479.453 | - |
| Cổ tức được chia | 12.628.000.000 | 15.153.600.000 |
| Lãi phạt chậm trả và tạm ứng | - | 1.443.011.000 |
| **TỔNG CỘNG** | **63.331.774.129** | **66.001.949.159** |

## 25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

*VND*

| | *Năm nay* | *Năm trước* |
|---|---|---|
| Giá vốn hàng thủy sản | 3.465.864.875.227 | 3.769.591.866.246 |
| Giá vốn dịch vụ ủy thác xuất khẩu | 49.000.000 | 108.000.000 |
| **TỔNG CỘNG** | **3.465.913.875.227** | **3.769.699.866.246** |

## 26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

*VND*

| | *Năm nay* | *Năm trước* |
|---|---|---|
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái | 19.477.706.901 | 12.923.876.433 |
| Chi phí lãi vay | 15.724.340.146 | 7.497.586.582 |
| **TỔNG CỘNG** | **35.202.047.047** | **20.421.463.015** |

## 27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

*VND*

| | *Năm nay* | *Năm trước* |
|---|---|---|
| Chi phí vận chuyển | 64.353.234.120 | 147.126.164.429 |
| Chi phí hoa hồng | 7.111.351.726 | 7.550.414.626 |
| Chi phí thuế chống bán phá giá *(*)* | (3.377.426.844) | 5.666.300.052 |
| *Trong đó:* | | |
| - *Chi phí trích trước cho đợt rà soát hành chính lần thứ 19* | *38.431.746.672* | - |
| - *(Hoàn nhập chi phí đã trích trước) chi phí trích trước cho đợt rà soát hành chính lần thứ 18* | *(41.809.173.516)* | *41.809.173.516* |
| - *Hoàn nhập chi phí đã trích trước cho đợt rà soát hành chính lần thứ 17* | - | *(36.142.873.464)* |
| Chi phí nhân viên | 3.380.355.580 | 3.377.982.589 |
| Khác | 28.701.880.464 | 24.971.961.430 |
| **TỔNG CỘNG** | **100.169.395.046** | **188.692.823.126** |

*(*)* Đây là khoản chi phí thuế chống bán phá giá áp dụng cho các công ty xuất khẩu tôm sang thị trường Mỹ theo yêu cầu của luật thuế chống bán phá giá của Bộ Thương mại Mỹ, được tính toán và thu bởi Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên giới Mỹ trước khi hàng hóa được nhập khẩu vào Mỹ.

Vào ngày của báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã hoàn tất thỏa thuận với bên Nguyên đơn để chấm dứt việc kiện chống Công ty bán phá giá cho đợt rà soát hành chính ("POR") lần thứ 18. Theo đó, Công ty chỉ phải trả chi phí thỏa thuận và không phải trả thêm bất kỳ chi phí thuế chống bán phá giá nào khác cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2022 đến ngày 31 tháng 1 năm 2023 ("POR 18").

Thuế suất chống bán phá giá sau cùng áp dụng cho Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 ("POR 19") chưa được xác định. Công ty đang trích lập dự phòng thuế chống bán phá giá cho giai đoạn này POR 19 dựa theo tỷ lệ của POR gần nhất lần thứ 12 là năm 2016. Do vậy, số thuế phải trả và chi phí thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Bộ Thương mại Mỹ.

## 28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

*VND*

| | *Năm nay* | *Năm trước* |
|---|---|---|
| Chi phí nhân viên | 29.726.510.740 | 49.113.018.224 |
| Thuế và phí | 6.126.747.057 | 5.746.920.416 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.453.843.291 | 3.613.202.356 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn | 1.052.838.415 | 1.087.174.238 |
| Chi phí kiểm toán | 460.000.000 | 440.000.000 |
| Hoàn nhập dự phòng phải thu | - | (1.665.784.859) |
| Khác | 11.558.378.311 | 9.708.037.510 |
| **TỔNG CỘNG** | **52.378.317.814** | **68.042.567.885** |

## 29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

*VND*

| | *Năm nay* | *Năm trước* |
|---|---|---|
| Chi phí nguyên vật liệu | 3.014.245.396.271 | 3.386.878.859.984 |
| Chi phí nhân viên | 428.835.424.207 | 500.945.067.436 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 129.685.622.258 | 201.170.511.695 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn *(Thuyết minh số 11 và 12)* | 112.487.791.349 | 57.629.117.940 |
| Khác | 111.797.112.306 | 121.138.707.298 |
| **TỔNG CỘNG** | **3.797.051.346.391** | **4.267.762.264.353** |

## 30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty áp dụng Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015, hướng dẫn về thuế TNDN và Công văn số 1327/CT-TTr từ Cục thuế Tỉnh Sóc Trăng ngày 1 tháng 12 năm 2015. Chi tiết như sau:

- Đối với hoạt động nuôi trồng, chế biến thủy sản ở vùng đặc biệt khó khăn, Công ty được miễn thuế TNDN trong suốt thời gian hoạt động; và
- Đối với hoạt động nuôi trồng, chế biến hàng thủy sản ở vùng khó khăn, Công ty được hưởng thuế suất 10% cho toàn bộ thời gian hoạt động.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### *30.1 Chi phí thuế TNDN*

*VND*

| | *Năm nay* | *Năm trước* |
|---|---|---|
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 1.441.437.225 | 8.179.192.455 |
| Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại | 626.319.744 | (885.845.696) |
| **TỔNG CỘNG** | **2.067.756.969** | **7.293.346.759** |

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

*VND*

| | *Năm nay* | *Năm trước* |
|---|---|---|
| **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | **266.359.419.598** | **323.342.815.784** |
| Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty | 53.271.883.919 | 64.668.563.157 |
| Các điều chỉnh: | | |
| Chi phí không được trừ | 273.416.877 | 213.142.634 |
| Thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn góp | 38.741.045 | - |
| Thu nhập từ cổ tức được chia | (2.525.600.000) | (3.030.720.000) |
| Thuế TNDN được miễn giảm | (48.990.684.872) | (54.557.639.032) |
| **Chi phí thuế TNDN** | **2.067.756.969** | **7.293.346.759** |

## 30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### *30.2 Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

### *30.3 Thuế thu nhập hoãn lại*

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

*VND*

| | *Bảng cân đối kế toán riêng* | | *Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng* | |
|---|---|---|---|---|
| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* | *Năm nay* | *Năm trước* |
| Trích trước chi phí thuế chống bán phá giá | 3.843.174.667 | 4.180.917.352 | (337.742.685) | 566.630.006 |
| Dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả | 844.633.275 | 796.994.775 | 47.638.500 | 6.432.225 |
| Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 26.156.467 | 362.372.026 | (336.215.559) | 312.783.465 |
| ***Tài sản thuế thu nhập hoãn lại*** | ***4.713.964.409*** | ***5.340.284.153*** | | |
| ***(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại*** | | | ***(626.319.744)*** | ***885.845.696*** |

## 31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

| *Bên liên quan* | *Mối quan hệ* |
|---|---|
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam | Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre | Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN | Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN | Công ty trong cùng tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An ("Khang An") | Công ty con |
| Công ty TNHH Vĩnh Thuận ("Vĩnh Thuận") | Công ty con |
| Ông Hồ Quốc Lực | Chủ tịch |
| Bà Nguyễn Thị Trà My | Phó Chủ tịch |
| Ông Phạm Hoàng Việt | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| Ông Tô Minh Chẳng | Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Văn Khải | Thành viên HĐQT |
| Ông Adisak Torsakul | Thành viên HĐQT |
| Bà Triệu Mai Lan | Thư ký HĐQT |
| Bà Lưu Nguyễn Trúc Dung | Trưởng BKS |
| Ông Lý Thái Hưng | Thành viên BKS |
| Bà Lý Thị Kim Yến | Thành viên BKS |
| Ông Mã Ích Hưng | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Hoàng Thanh Vũ | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Đinh Văn Thới | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Lê Ngọc Hương | Phó Tổng Giám đốc |

## 31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

*VND*

| *Bên liên quan* | *Mối quan hệ* | *Nội dung nghiệp vụ* | *Năm nay* | *Năm trước* |
|---|---|---|---|---|
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam | Cổ đông lớn | Mua hàng | 323.341.125.936 | 312.865.910.502 |
| | | Chia cổ tức | 32.563.666.000 | 32.563.666.000 |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN | Công ty trong cùng tập đoàn | Cho vay | 217.000.000.000 | - |
| Khang An | Công ty con | Thu hộ ủy thác | 87.106.584.184 | 188.296.310.860 |
| | | Mua hàng | 17.951.797.800 | 6.675.782.000 |
| | | Nhận cổ tức | 12.628.000.000 | 15.153.600.000 |
| | | Chi hộ ủy thác | 3.716.835.225 | 14.053.254.956 |
| | | Bán hàng hóa | 2.931.655.000 | 25.849.592.000 |
| | | Thuê đất | 1.079.820.000 | 514.200.000 |
| | | Chi hộ | 74.119.250 | 73.817.363 |
| | | Cung cấp dịch xuất khẩu ủy thác | 49.000.000 | 108.000.000 |
| | | Thu nhập tiền lãi | - | 1.443.011.000 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN | Cổ đông lớn | Chia cổ tức | 49.369.356.000 | 49.369.356.000 |
| Vĩnh Thuận | Công ty con | Nhận cung cấp dịch vụ | 19.921.172.657 | 12.211.866.192 |
| | | Góp vốn | - | 90.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre | Cổ đông lớn | Chia cổ tức | 16.178.000.000 | 16.178.000.000 |
| | | Bán hàng hóa | 3.058.581.750 | 3.870.795.550 |
| | | Mua dịch vụ | 219.342.563 | - |
| Ông Hồ Quốc Lực | Chủ tịch | Chuyển nhượng phần vốn góp | 2.000.000.000 | - |

## 31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

*VND*

| *Bên liên quan* | *Mối quan hệ* | *Nội dung nghiệp vụ* | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|---|---|
| ***Trả trước cho người bán ngắn hạn** (Thuyết minh số 7)* | | | | |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam | Cổ đông lớn | Mua hàng | 4.352.632.274 | 669.093 |
| ***Phải thu về cho vay ngắn hạn** (Thuyết minh số 8)* | | | | |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN | Công ty trong cùng tập đoàn | Cho vay | 217.000.000.000 | - |
| ***Phải thu ngắn hạn khác** (Thuyết minh số 9)* | | | | |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN | Công ty trong cùng tập đoàn | Lãi cho vay | 5.038.479.453 | - |
| Khang An | Công ty con | Cung cấp dịch vụ | 6.294.792 | 6.153.988 |
| | | | **5.044.774.245** | **6.153.988** |
| ***Phải trả người bán ngắn hạn** (Thuyết minh số 16)* | | | | |
| Khang An | Công ty con | Mua hàng | 5.082.426.648 | - |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam | Cổ đông lớn | Mua hàng | 867.000.000 | - |
| | | | **5.949.426.648** | **-** |
| ***Phải trả ngắn hạn khác** (Thuyết minh số 20)* | | | | |
| Khang An | Công ty con | Mua dịch vụ | 7.305.238 | 8.455.238 |
| | | Chi hộ | - | 277.865.280 |
| | | | **7.305.238** | **286.320.518** |

## 31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát ("BKS") trong năm như sau:

*VND*

| *Tên* | *Chức vụ* | *Thu nhập* | |
|---|---|---|---|
| | | *Năm nay* | *Năm trước* |
| Ông Hồ Quốc Lực | Chủ tịch | 2.113.391.000 | 1.956.340.000 |
| Bà Nguyễn Thị Trà My | Phó Chủ tịch | 644.000.000 | 794.000.000 |
| Ông Phạm Hoàng Việt | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 2.061.351.000 | 2.004.140.000 |
| Ông Tô Minh Chẳng | Thành viên HĐQT | 1.375.607.000 | 1.361.785.000 |
| Ông Nguyễn Văn Khải | Thành viên HĐQT | 408.000.000 | 458.000.000 |
| Ông Adisak Torsakul | Thành viên HĐQT | 358.000.000 | 81.000.000 |
| Bà Triệu Mai Lan | Thư ký HĐQT | 641.557.000 | 606.989.000 |
| Bà Lưu Nguyễn Trúc Dung | Trưởng BKS | 870.981.000 | 847.432.000 |
| Ông Lý Thái Hưng | Thành viên BKS | 804.085.000 | 578.338.000 |
| Bà Lý Thị Kim Yến | Thành viên BKS | 204.000.000 | 63.000.000 |
| Ông Hoàng Thanh Vũ | Phó Tổng Giám đốc | 1.362.926.000 | 1.261.054.000 |
| Ông Mã Ích Hưng | Phó Tổng Giám đốc | 1.181.161.000 | 1.213.693.000 |
| Bà Lê Ngọc Hương | Phó Tổng Giám đốc | 1.059.191.000 | 1.077.965.000 |
| Ông Đinh Văn Thới | Phó Tổng Giám đốc | 667.452.000 | 899.900.000 |
| **TỔNG CỘNG** | | **13.751.702.000** | **13.203.636.000** |

## 32. CÁC CAM KẾT

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

*VND*

| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|
| Đến 1 năm | 1.659.557.112 | 1.705.414.872 |
| Trên 1 - 5 năm | 6.821.659.488 | 6.821.659.488 |
| Trên 5 năm | 84.307.016.478 | 82.404.441.328 |
| **TỔNG CỘNG** | **92.788.233.078** | **90.931.515.688** |

## 32. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

***Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn***

Công ty có ký kết các hợp đồng thi công công trình, mua sắm máy móc thiết bị với nghĩa vụ cam kết trong tương lai được thể hiện như sau:

*VND*

| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|
| Máy móc đang chờ lắp đặt | 1.432.895.455 | 1.400.000.000 |
| Dự án nhà máy | 346.381.049 | 32.311.276.403 |
| **TỔNG CỘNG** | **1.779.276.504** | **33.711.276.403** |

## 33. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|
| Ngoại tệ các loại: | | |
| Đô la Mỹ (USD) | 203.730 | 10.509.962 |
| Yên Nhật *(JPY)* | 37.338 | 96.105 |
| Euro *(EUR)* | 144 | 155 |
| Nợ khó đòi đã xử lý *(VND)*: | | |
| Các khoản phải thu khác | - | 16.120.604.408 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã đứng ra bảo lãnh cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An tại các ngân hàng Thương mại sau:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng theo văn bản bảo lãnh số 01/2023 trị giá 150.000.000.000 VND.
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng theo văn bản bảo lãnh số 043/VB.2023 và 044/VB.2023 trị giá 400.000.000.000 VND.

## 34. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Ngày 14 tháng 11 năm 2023, Bộ Thương mại Hoa Kỳ vừa công bố khởi xướng điều tra việc trợ cấp của Chính phủ cho các nhà sản xuất-xuất khẩu từ Việt Nam vào Mỹ đối với sản phẩm tôm nước ấm đông lạnh thuộc các mã HS 0306.17, 1605.21 và 1605.29 (không bao gồm tôm tẩm bột), cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, kết quả sơ bộ của việc điều tra từ Bộ Thương mại Hoa Kỳ vẫn chưa có kết luận. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa có đủ thông tin để ước tính ảnh hưởng của vấn đề trên trong báo cáo tài chính riêng này.

## 35. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

| | | |
|---|---|---|
| Lý Thị Thu Hồng | Tô Minh Chẳng | Phạm Hoàng Việt |
| Người lập | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |

Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

# Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Building a better working world

# Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

**NỘI DUNG**


| | *Trang* |
|---|---|
| Thông tin chung | 1 |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 3 - 4 |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất | 5 - 6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | 8 - 9 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất | 10 - 35 |

# Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

THÔNG TIN CHUNG

## CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty") là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ việc cổ phần hóa Công ty Thực phẩm Xuất Nhập khẩu Sóc Trăng theo Quyết định số 346/QĐ-TCCB02 ngày 9 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng, và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") Số 2200208753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2002, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Vào ngày 7 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã FMC theo Giấy phép niêm yết số 66/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện hành của Công ty là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | |
|---|---|
| Ông Hồ Quốc Lực | Chủ tịch |
| Bà Nguyễn Thị Trà My | Phó Chủ tịch |
| Ông Phạm Hoàng Việt | Thành viên |
| Ông Tô Minh Chẳng | Thành viên |
| Ông Adisak Torsakul | Thành viên độc lập |
| Ông Nguyễn Văn Khải | Thành viên độc lập |

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | |
|---|---|
| Bà Lưu Nguyễn Trúc Dung | Trưởng ban |
| Bà Lý Thị Kim Yến | Thành viên |
| Ông Lý Thái Hưng | Thành viên |

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | | |
|---|---|---|
| Ông Phạm Hoàng Việt | Tổng Giám đốc | |
| Bà Lê Ngọc Hương | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Mã Ích Hưng | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Hoàng Thanh Vũ | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Đinh Văn Thới | Phó Tổng Giám đốc | miễn nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2023 |

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Hoàng Việt.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

M.S.D.N: 2200208753 C.T.C.P CÔNG TY CP THỰC PHẨM SAO TA T.P SÓC TRĂNG - T. SÓC TRĂNG

Phạm Hoàng Việt
Tổng Giám đốc

Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 11604265/66920349-HN

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập vào ngày 25 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

## *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



A member firm of Ernst & Young Global Limited

Building a better working world

***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

M.S.D.N: 0309811668 C.T.T.N.H.H CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3040-2024-004-1

Nguyễn Thùy Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3213-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024



A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **100** | **A. TÀI SẢN NGẮN HẠN** | | **2.127.050.626.036** | **1.876.998.079.284** |
| ***110*** | ***I. Tiền và các khoản tương đương tiền*** | ***4*** | ***451.603.648.884*** | ***585.329.354.328*** |
| 111 | 1. Tiền | | 41.432.602.884 | 290.134.774.931 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 410.171.046.000 | 295.194.579.397 |
| ***120*** | ***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn*** | ***5*** | ***97.416.519.173*** | ***11.068.845.925*** |
| 123 | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | 97.416.519.173 | 11.068.845.925 |
| ***130*** | ***III. Các khoản phải thu ngắn hạn*** | | ***491.782.381.783*** | ***279.822.503.552*** |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 6 | 247.892.771.166 | 240.004.282.595 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 7 | 18.484.294.325 | 33.416.626.779 |
| 135 | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 8 | 217.000.000.000 | - |
| 136 | 4. Phải thu ngắn hạn khác | 9 | 8.405.316.292 | 6.401.594.178 |
| ***140*** | ***IV. Hàng tồn kho*** | ***10*** | ***999.826.960.186*** | ***929.079.227.608*** |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 999.826.960.186 | 929.079.227.608 |
| ***150*** | ***V. Tài sản ngắn hạn khác*** | | ***86.421.116.010*** | ***71.698.147.871*** |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 14 | 47.668.869.691 | 24.431.584.433 |
| 152 | 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 17 | 38.752.246.319 | 47.266.563.438 |
| **200** | **B. TÀI SẢN DÀI HẠN** | | **1.229.133.450.958** | **1.111.808.887.259** |
| ***220*** | ***I. Tài sản cố định*** | | ***848.375.105.053*** | ***418.632.650.904*** |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 11 | 846.052.932.907 | 416.196.267.388 |
| 222 | Nguyên giá | | 1.692.286.492.474 | 1.134.037.024.796 |
| 223 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (846.233.559.567) | (717.840.757.408) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 12 | 2.322.172.146 | 2.436.383.516 |
| 228 | Nguyên giá | | 4.452.274.496 | 4.546.154.496 |
| 229 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (2.130.102.350) | (2.109.770.980) |
| ***240*** | ***II. Tài sản dở dang dài hạn*** | | ***95.601.926.031*** | ***445.522.504.738*** |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 13 | 95.601.926.031 | 445.522.504.738 |
| ***260*** | ***III. Tài sản dài hạn khác*** | | ***285.156.419.874*** | ***247.653.731.617*** |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 14 | 280.442.455.465 | 242.313.447.464 |
| 262 | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 29.3 | 4.713.964.409 | 5.340.284.153 |
| **270** | **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | | **3.356.184.076.994** | **2.988.806.966.543** |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

*VND*

| *Mã số* | *NGUỒN VỐN* | *Thuyết minh* | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|---|---|
| **300** | **C. NỢ PHẢI TRẢ** | | **1.122.043.529.157** | **872.745.442.329** |
| ***310*** | ***I. Nợ ngắn hạn*** | | ***1.111.721.604.907*** | ***862.554.103.579*** |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 15 | 106.178.101.220 | 82.941.321.295 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 16 | 2.797.675.915 | 20.514.754.793 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 17 | 7.078.619.316 | 7.204.767.568 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 71.047.980.854 | 146.078.700.450 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 18 | 44.908.504.091 | 53.228.437.357 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | 19 | 363.283.285 | 7.203.123.519 |
| 320 | 7. Vay ngắn hạn | 20 | 824.121.975.749 | 515.492.089.200 |
| 322 | 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 21 | 55.225.464.477 | 29.890.909.397 |
| ***330*** | ***II. Nợ dài hạn*** | | ***10.321.924.250*** | ***10.191.338.750*** |
| 337 | 1. Phải trả dài hạn khác | 19 | 835.000.000 | 835.000.000 |
| 342 | 2. Dự phòng phải trả dài hạn | 3.10 | 9.486.924.250 | 9.356.338.750 |
| **400** | **D. VỐN CHỦ SỞ HỮU** | | **2.234.140.547.837** | **2.116.061.524.214** |
| ***410*** | ***I. Vốn chủ sở hữu*** | ***22.1*** | ***2.234.140.547.837*** | ***2.116.061.524.214*** |
| 411 | 1. Vốn cổ phần | | 653.888.890.000 | 653.888.890.000 |
| *411a* | *- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết* | | *653.888.890.000* | *653.888.890.000* |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 593.681.126.002 | 593.681.126.002 |
| 421 | 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 781.167.252.495 | 676.372.777.269 |
| *421a* | *- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước* | | *505.100.163.093* | *367.349.763.265* |
| *421b* | *- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay* | | *276.067.089.402* | *309.023.014.004* |
| 429 | 4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | | 205.403.279.340 | 192.118.730.943 |
| **440** | **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | | **3.356.184.076.994** | **2.988.806.966.543** |

| | | |
|---|---|---|
| Lý Thị Thu Hồng | Tô Minh Chẳng | Phạm Hoàng Việt |
| Người lập | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |

Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

*VND*

| *Mã số* | *CHỈ TIÊU* | *Thuyết minh* | *Năm nay* | *Năm trước* |
|---|---|---|---|---|
| 01 | 1. Doanh thu về bán hàng | 23.1 | 5.089.081.007.694 | 5.707.202.573.088 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 23.1 | (1.688.007.779) | (5.638.911.412) |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng | 23.1 | 5.087.392.999.915 | 5.701.563.661.676 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | 24 | (4.594.468.806.420) | (5.075.987.793.830) |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng | | 492.924.193.495 | 625.575.867.846 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 23.2 | 72.936.248.973 | 71.136.474.603 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 25 | (61.457.891.439) | (54.188.282.457) |
| 23 | *Trong đó: Chi phí lãi vay* | | *(28.215.238.714)* | *(17.254.552.400)* |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | 26 | (121.784.059.524) | (226.193.552.007) |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 27 | (78.979.856.518) | (92.525.769.842) |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 303.638.634.987 | 323.804.738.143 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | | 994.554.961 | 5.099.570.105 |
| 32 | 12. Chi phí khác | | (37.298.449) | (490.230.094) |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | 957.256.512 | 4.609.340.011 |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 304.595.891.499 | 328.414.078.154 |
| 51 | 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 29.1 | (1.633.240.589) | (8.282.032.455) |
| 52 | 16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại | 29.3 | (626.319.744) | 885.845.696 |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN | | 302.336.331.166 | 321.017.891.395 |
| 61 | 18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 22.1 | 276.067.089.402 | 309.023.014.004 |
| 62 | 19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 22.1 | 26.269.241.764 | 11.994.877.391 |
| 70 | 20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 22.4 | 4.121 | 4.107 |
| 71 | 21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 22.4 | 4.121 | 4.107 |

CÔNG TY CP THỰC PHẨM SAO TA

| Lý Thị Thu Hồng | Tô Minh Chẳng | Phạm Hoàng Việt |
|---|---|---|
| Người lập | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |

Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

*VND*

| *Mã số* | *CHỈ TIÊU* | *Thuyết minh* | *Năm nay* | *Năm trước* |
|---|---|---|---|---|
| | **I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH** | | | |
| **01** | **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | | **304.595.891.499** | **328.414.078.154** |
| | *Điều chỉnh cho các khoản:* | | | |
| 02 | Khấu hao và hao mòn tài sản cố định | | 154.278.778.410 | 89.429.948.309 |
| 03 | Dự phòng | | 130.585.500 | 158.652.250 |
| 04 | Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | 1.824.439.688 | 4.160.227.009 |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | | (21.881.860.907) | (18.044.068.785) |
| 06 | Chi phí lãi vay | 25 | 28.215.238.714 | 17.254.552.400 |
| **08** | **Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động** | | **467.163.072.904** | **421.373.389.337** |
| 09 | Giảm các khoản phải thu | | 14.437.845.211 | 37.010.102.618 |
| 10 | (Tăng) giảm hàng tồn kho | | (70.747.732.578) | 12.108.293.524 |
| 11 | Giảm các khoản phải trả | | (93.059.865.775) | (3.041.060.849) |
| 12 | (Tăng) giảm chi phí trả trước | | (61.366.293.259) | 1.758.345.615 |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | | (28.311.126.353) | (17.102.915.090) |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 17 | (4.335.387.168) | (4.812.840.000) |
| 17 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 21 | (16.599.666.383) | (12.084.414.364) |
| **20** | **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh** | | **207.180.846.599** | **435.208.900.791** |
| | **II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ** | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định | | (217.783.092.033) | (438.689.485.930) |
| 22 | Tiền thu do thanh lý tài sản cố định | | 928.367.003 | 929.090.909 |
| 23 | Tiền chi cho vay và gửi ngân hàng có kỳ hạn | | (378.369.676.556) | (24.985.279.832) |
| 24 | Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn | | 75.022.003.308 | 38.701.032.058 |
| 25 | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | (109.794.580.926) |
| 26 | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 2.000.000.000 | - |
| 27 | Tiền thu lãi ngân hàng | | 12.895.081.784 | 18.578.411.008 |
| **30** | **Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư** | | **(505.307.316.494)** | **(515.260.812.713)** |
| | **III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH** | | | |
| 31 | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của chủ sở hữu | 22.1 | - | (4.300.000) |
| 33 | Tiền thu từ đi vay | 20 | 4.493.951.195.410 | 3.584.895.214.062 |
| 34 | Tiền trả nợ gốc vay | 20 | (4.188.124.362.846) | (3.543.731.364.409) |
| 36 | Cổ tức đã trả cho cổ đông công ty mẹ | 22.2 | (130.777.778.000) | (130.777.778.000) |
| | Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát của công ty con | | (11.872.000.000) | (11.109.560.000) |
| **40** | **Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính** | | **163.177.054.564** | **(100.727.788.347)** |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

*VND*

| *Mã số* | *CHỈ TIÊU* | *Thuyết minh* | *Năm nay* | *Năm trước* |
|---|---|---|---|---|
| **50** | **Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm** | | **(134.949.415.331)** | **(180.779.700.269)** |
| **60** | **Tiền và tương đương tiền đầu năm** | | **585.329.354.328** | **769.592.318.292** |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | 1.223.709.887 | (3.483.263.695) |
| **70** | **Tiền và tương đương tiền cuối năm** | **4** | **451.603.648.884** | **585.329.354.328** |

| | | |
|---|---|---|
| Lý Thị Thu Hồng | Tô Minh Chẳng | Phạm Hoàng Việt |
| Người lập | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |

Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

## 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty") là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ việc cổ phần hóa Công ty Thực phẩm Xuất Nhập khẩu Sóc Trăng theo Quyết định số 346/QĐ-TCCB02 ngày 9 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng, và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") Số 2200208753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2002, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Vào ngày 7 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã FMC theo Giấy phép niêm yết số 66/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 5.174 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 4.902 người).

***Cơ cấu tổ chức***

Công ty có hai công ty con như trình bày bên dưới và đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty:

*Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An ("Khang An")*

Khang An là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2200780985, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19 tháng 8 năm 2020. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Khang An là chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản. Khang An có trụ sở chính đăng ký tại Lô B, Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm giữ 51,54% vốn cổ phần và quyền biểu quyết trong Khang An (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 51,54% phần vốn cổ phần và quyền biểu quyết).

*Công ty TNHH Vĩnh Thuận ("Vĩnh Thuận")*

Vĩnh Thuận là một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2200205569 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15 tháng 5 năm 2002. Hoạt động chính trong năm hiện hành của Công ty là nuôi trồng thủy sản. Vĩnh Thuận có trụ sở chính đăng ký tại Khóm Biển Trên, Phường Vĩnh Phước, Thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm giữ 99,099% phần vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong Vĩnh Thuận (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 100% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### *2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### *2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Nhóm Công ty là Chứng từ ghi sổ.

### *2.3 Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### *2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

### *2.5 Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn/Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn/Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### *3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### *3.2 Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### *3.3 Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được Nhóm Công ty ghi nhận với phương pháp như sau:

| | |
|---|---|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa | - kê khai thường xuyên, chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm | - kiểm kê định kỳ, giá gốc thành phẩm theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - kiểm kê định kỳ, giá vốn nguyên vật liệu trực tiếp, bao gồm chi phí con giống và chi phí thức ăn. |

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### *3.4 Tài sản cố định*

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước năm 2003 theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

### *3.5 Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|---|---|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 5 - 25 năm |
| Máy móc và thiết bị | 4 - 10 năm |
| Phương tiện vận tải | 6 - 10 năm |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 7 năm |
| Quyền sử dụng đất | 30 - 50 năm |
| Phần mềm vi tính | 3 - 6 năm |
| Tài sản khác | 5 - 6 năm |

### *3.6 Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm khi phát sinh.

### *3.7 Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

*Công cụ dụng cụ*

Công cụ dụng cụ với giá trị lớn xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn được hạch toán vào khoản mục chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### *3.7 Chi phí trả trước* (tiếp theo)

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm:

- Số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng vào ngày 13 tháng 6 năm 2007, ngày 4 tháng 10 năm 2012, ngày 4 tháng 2 năm 2020 và ngày 4 tháng 3 năm 2020 trong thời hạn từ 48 - 50 năm; và
- Giá trị quyền sử dụng đất khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn sau năm 2003.

Theo Thông tư 45, các khoản tiền thuê đất nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng còn lại.

### *3.8 Các khoản đầu tư*

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### *3.9 Các khoản phải trả và chi phí phải trả*

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### *3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Nhóm Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này, ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### *3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### *3.12 Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

- *Quỹ khen thưởng phúc lợi*

  Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### *3.13 Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### *3.14 Thuế*

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### *3.15 Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

### *3.16 Thông tin theo bộ phận*

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính hiện nay của Nhóm Công ty là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm. Trong đó, doanh thu thủy sản chiếm 97% trong tổng doanh thu. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh - thủy sản và khu vực địa lý - Việt Nam. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

### *3.17 Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

## 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

*VND*

| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|
| Tiền mặt tại quỹ | 2.250.860.677 | 1.912.587.559 |
| Tiền gửi ngân hàng | 39.181.742.207 | 288.222.187.372 |
| Các khoản tương đương tiền *(*)* | 410.171.046.000 | 295.194.579.397 |
| **TỔNG CỘNG** | **451.603.648.884** | **585.329.354.328** |

*(*)* Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 2,5% đến 4,25%/năm.

## 5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ sáu (6) tháng đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 3,75% đến 8,2%/năm. Như được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Nhóm Công ty đã thế chấp các khoản tiền gửi trị giá 50.609.000.000 VND để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

## 6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

*VND*

| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|
| Amanda Seafood Private Limited | 133.178.947.776 | 137.121.885.712 |
| Kyokuyo Company Limited | 38.240.015.240 | 38.168.101.142 |
| Mazzetta Company, LLC., | 26.066.299.000 | 6.739.117.200 |
| IFC Seafood INC. | 11.313.747.200 | - |
| Hanwa Co., Ltd | 9.722.300.000 | 2.212.736.000 |
| Northgate Foods Ltd | 5.034.887.200 | 7.743.638.400 |
| K&H Food Impex GmbH (Yuu'n Mee) | 3.843.890.400 | 11.011.127.520 |
| Các khách hàng khác | 20.492.684.350 | 37.007.676.621 |
| **TỔNG CỘNG** | **247.892.771.166** | **240.004.282.595** |

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Nhóm Công ty đã thế chấp toàn bộ các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Nhóm Công ty.

## 7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

*VND*

| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|
| Trả trước cho người bán khác | 14.131.662.051 | 33.415.957.686 |
| *- Công ty Cổ phần Năm Dũng* | *3.047.868.000* | - |
| *- Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng Việt Kiến Tường* | *1.709.100.000* | *18.411.455.640* |
| *- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Liên Phát* | - | *8.757.744.000* |
| *- Người bán khác* | *9.374.694.051* | *6.246.758.046* |
| Trả trước cho bên liên quan *(Thuyết minh số 30)* | 4.352.632.274 | 669.093 |
| **TỔNG CỘNG** | **18.484.294.325** | **33.416.626.779** |

## 8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Số cuối năm thể hiện các khoản cho vay tín chấp ngắn hạn cho Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN theo hợp đồng cho vay số 1608/2023/HDV/FMC-PANFOOD với kỳ hạn sáu (6) tháng và hưởng lãi suất 6,5%/ năm *(Thuyết minh số 30)*.

## 9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

*VND*

| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|
| Trích trước lãi tiền gửi, lãi cho vay | 7.418.636.811 | 1.033.532.771 |
| Tạm ứng cho nhân viên | 342.626.616 | 230.008.795 |
| Chi hộ | 190.599.976 | 4.260.868 |
| Ký quỹ dự án nhà máy Thủy sản Sao Ta | - | 4.200.000.000 |
| Phải thu khác | 453.452.889 | 933.791.744 |
| **TỔNG CỘNG** | **8.405.316.292** | **6.401.594.178** |
| *Trong đó:* | | |
| *Phải thu khác từ bên khác* | *3.366.836.839* | *6.401.594.178* |
| *Phải thu khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 30)* | *5.038.479.453* | - |

## 10. HÀNG TỒN KHO

*VND*

| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|
| Thành phẩm | 788.986.654.881 | 701.803.944.460 |
| Hàng gửi đi bán | 77.470.322.318 | 107.589.699.567 |
| Nguyên vật liệu | 49.698.234.247 | 49.698.390.834 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 41.625.117.476 | - |
| Công cụ, dụng cụ và bao bì | 40.374.838.064 | 57.675.014.479 |
| Hàng mua đang đi trên đường | 1.671.793.200 | 12.312.178.268 |
| **TỔNG CỘNG** | **999.826.960.186** | **929.079.227.608** |

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Nhóm Công ty đã thế chấp toàn bộ hàng tồn kho ngoại trừ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Nhóm Công ty.

## 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

*VND*

| | *Nhà cửa và vật kiến trúc* | *Máy móc và thiết bị* | *Phương tiện vận tải* | *Thiết bị văn phòng* | *Tài sản khác* | *Tổng cộng* |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Nguyên giá:** | | | | | | |
| Số đầu năm | 436.967.685.477 | 604.451.163.834 | 73.125.108.917 | 12.426.585.973 | 7.066.480.595 | 1.134.037.024.796 |
| Mua mới | - | 91.016.373.930 | 6.763.640.148 | 496.717.272 | 3.817.340.239 | 102.094.071.589 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành | 333.646.970.141 | 144.073.623.241 | 2.021.709.546 | 1.243.338.769 | 767.879.273 | 481.753.520.970 |
| Thanh lý, xóa sổ | (293.438.242) | (21.029.366.054) | (469.286.611) | (1.855.790.346) | (1.950.243.628) | (25.598.124.881) |
| Số cuối năm | 770.321.217.376 | 818.511.794.951 | 81.441.172.000 | 12.310.851.668 | 9.701.456.479 | 1.692.286.492.474 |
| *Trong đó:* | | | | | | |
| *Đã khấu hao hết* | *108.898.213.890* | *272.321.559.749* | *11.602.382.764* | *8.090.805.154* | *4.351.429.417* | *405.264.390.974* |
| **Giá trị khấu hao lũy kế:** | | | | | | |
| Số đầu năm | 234.809.900.197 | 429.465.793.890 | 36.021.378.909 | 10.799.618.280 | 6.744.066.132 | 717.840.757.408 |
| Khấu hao trong năm | 71.845.063.882 | 71.134.132.372 | 9.259.158.241 | 1.184.764.181 | 567.808.364 | 153.990.927.040 |
| Thanh lý, xóa sổ | (293.438.242) | (21.029.366.054) | (469.286.611) | (1.855.790.346) | (1.950.243.628) | (25.598.124.881) |
| Số cuối năm | 306.361.525.837 | 479.570.560.208 | 44.811.250.539 | 10.128.592.115 | 5.361.630.868 | 846.233.559.567 |
| **Giá trị còn lại:** | | | | | | |
| Số đầu năm | 202.157.785.280 | 174.985.369.944 | 37.103.730.008 | 1.626.967.693 | 322.414.463 | 416.196.267.388 |
| Số cuối năm | 463.959.691.539 | 338.941.234.743 | 36.629.921.461 | 2.182.259.553 | 4.339.825.611 | 846.052.932.907 |
| *Trong đó:* | | | | | | |
| *Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 20)* | *206.414.102.209* | *13.878.723.253* | *956.250.000* | - | *67.410.504* | *221.316.485.966* |

## 12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

*VND*

| | *Quyền sử dụng đất* | *Phần mềm vi tính* | *Tài sản khác* | *Tổng cộng* |
|---|---|---|---|---|
| **Nguyên giá:** | | | | |
| Số đầu năm | 3.270.412.686 | 1.076.240.610 | 199.501.200 | 4.546.154.496 |
| Mua mới | - | 173.640.000 | - | 173.640.000 |
| Xóa sổ | - | (267.520.000) | - | (267.520.000) |
| Số cuối năm | 3.270.412.686 | 982.360.610 | 199.501.200 | 4.452.274.496 |
| *Trong đó:* | | | | |
| *Đã hao mòn hết* | - | *485.595.610* | *199.501.200* | *685.096.810* |
| **Giá trị hao mòn lũy kế:** | | | | |
| Số đầu năm | 1.054.178.753 | 856.091.027 | 199.501.200 | 2.109.770.980 |
| Hao mòn trong năm | 53.231.787 | 234.619.583 | - | 287.851.370 |
| Xóa sổ | - | (267.520.000) | - | (267.520.000) |
| Số cuối năm | 1.107.410.540 | 823.190.610 | 199.501.200 | 2.130.102.350 |
| **Giá trị còn lại:** | | | | |
| Số đầu năm | 2.216.233.933 | 220.149.583 | - | 2.436.383.516 |
| Số cuối năm | 2.163.002.146 | 159.170.000 | - | 2.322.172.146 |

## 13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

*VND*

| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|
| Chi phí phát triển dự án nuôi tôm | 60.985.682.893 | 51.074.319.773 |
| Máy móc đang chờ lắp đặt | 19.794.585.957 | 3.505.882.300 |
| Dự án Nhà máy Thủy sản Tam An | 13.492.919.004 | 11.103.590.026 |
| Dự án Nhà máy Thủy sản Sao Ta | 385.708.182 | 377.349.355.260 |
| Văn phòng Vĩnh Thuận | - | 1.973.891.769 |
| Khác | 943.029.995 | 515.465.610 |
| **TỔNG CỘNG** | **95.601.926.031** | **445.522.504.738** |

## 14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

*VND*

| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|
| **Ngắn hạn** | **47.668.869.691** | **24.431.584.433** |
| Công cụ và dụng cụ xuất dùng | 46.637.678.996 | 24.431.584.433 |
| Phí bảo hiểm | 1.031.190.695 | - |
| **Dài hạn** | **280.442.455.465** | **242.313.447.464** |
| Quyền sử dụng đất | 224.563.256.482 | 227.409.529.204 |
| Công cụ và dụng cụ xuất dùng | 51.728.184.961 | 12.395.172.717 |
| Chi phí bảo trì tài sản cố định | 2.627.017.883 | 1.100.691.651 |
| Chi phí cải tạo ao | 1.523.996.139 | 1.408.053.892 |
| **TỔNG CỘNG** | **328.111.325.156** | **266.745.031.897** |

## 15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

*VND*

| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|
| Phải trả cho người bán khác | 105.311.101.220 | 82.941.321.295 |
| - *Amanda Seafood Private Limited* | *47.181.818.020* | - |
| - *Laitram Machinery, Inc* | *11.794.860.000* | - |
| - *Kyokuyo Company Limited* | *8.591.833.077* | *16.046.188.976* |
| - *Công ty TNHH Bao bì Xuất khẩu và Thương mại Vạn Thành* | *4.730.522.347* | *5.201.059.389* |
| - *Ông Quách Hoàng Phong* | - | *20.000.000.000* |
| - *Các bên khác* | *33.012.067.776* | *41.694.072.930* |
| Phải trả cho bên liên quan *(Thuyết minh số 30)* | 867.000.000 | - |
| **TỔNG CỘNG** | **106.178.101.220** | **82.941.321.295** |

## 16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

*VND*

| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|
| Japan Delica Co., Ltd | 1.075.509.120 | 1.614.783.475 |
| T & S Enterprises (London) Ltd. | 827.639.232 | - |
| Foods Bridge International | 814.342.497 | - |
| Người mua khác | 80.185.066 | 18.899.971.318 |
| **TỔNG CỘNG** | **2.797.675.915** | **20.514.754.793** |

## 17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

*VND*

| | *Số đầu năm* | *Số tăng trong năm* | *Số giảm trong năm* | *Số cuối năm* |
|---|---|---|---|---|
| **Phải thu** | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 47.266.563.438 | 100.988.540.511 | (109.502.857.630) | 38.752.246.319 |

| | *Số đầu năm* | *Số tăng trong năm* | *Số đã nộp trong năm* | *Số cuối năm* |
|---|---|---|---|---|
| **Phải nộp** | | | | |
| Thuế thu nhập cá nhân | 3.276.189.286 | 20.112.987.530 | (17.232.496.951) | 6.156.679.865 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.259.423.168 | 1.633.240.589 | (4.335.387.168) | 557.276.589 |
| Thuế giá trị gia tăng | 651.087.114 | 1.992.117.267 | (2.288.008.719) | 355.195.662 |
| Thuế tài nguyên môi trường | 18.068.000 | 180.812.000 | (189.412.800) | 9.467.200 |
| **TỔNG CỘNG** | **7.204.767.568** | **23.919.157.386** | **(24.045.305.638)** | **7.078.619.316** |

## 18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

*VND*

| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|
| Chi phí thuế chống bán phá giá (*) | 41.892.463.225 | 47.757.652.810 |
| Chi phí hoa hồng | 647.068.858 | 1.766.289.375 |
| Chi phí vận chuyển và cước tàu | 148.259.423 | 846.094.400 |
| Khác | 2.220.712.585 | 2.858.400.772 |
| **TỔNG CỘNG** | **44.908.504.091** | **53.228.437.357** |

(*) Nhóm Công ty đang ước tính thuế chống bán phá giá theo tỷ lệ của POR gần nhất lần thứ 12 là năm 2016.

## 19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

*VND*

| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|
| **Ngắn hạn** | **363.283.285** | **7.203.123.519** |
| Kinh phí công đoàn | - | 5.030.744.442 |
| Thưởng hiệu quả nuôi tôm | - | 1.980.253.880 |
| Khác | 363.283.285 | 192.125.197 |
| **Dài hạn** | **835.000.000** | **835.000.000** |
| Nhận ký quỹ, ký cược | 835.000.000 | 835.000.000 |
| **TỔNG CỘNG** | **1.198.283.285** | **8.038.123.519** |

## 20. VAY NGẮN HẠN

*VND*

| | *Số đầu năm* | *Vay trong năm* | *Trả nợ vay* | *Chênh lệch tỷ giá* | *Số cuối năm* |
|---|---|---|---|---|---|
| Vay ngân hàng | 515.492.089.200 | 4.493.951.195.410 | (4.188.124.362.846) | 2.803.053.985 | 824.121.975.749 |

Nhóm Công ty có các khoản vay ngắn hạn ngân hàng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

| *Ngân hàng* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2023* | | *Kỳ hạn trả gốc* | *Lãi suất* | *Hình thức đảm bảo* |
|---|---|---|---|---|---|
| | *Số tiền (VND)* | *Nguyên tệ (USD)* | | *(%/năm)* | |
| ***Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng*** | | | | | |
| Vay USD 1 | 182.298.848.226 | 7.465.145 | Từ ngày 22 tháng 1 năm 2024 đến ngày 27 tháng 5 năm 2024 | 4,0 - 4,2 | Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thương mại *(Thuyết minh số 6)* Hàng tồn kho *(Thuyết minh số 10)* |
| Vay VND 1 | 29.379.407.443 | - | Từ ngày 24 tháng 1 năm 2024 đến ngày 18 tháng 3 năm 2024 | 4,0 - 4,2 | Văn bản bảo lãnh số 043/VB.2023 và 044/VB.2023 trị giá 400.000.000.000 VND từ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta |
| Vay VND 2 | 46.689.893.757 | - | Từ ngày 25 tháng 3 năm 2024 đến ngày 27 tháng 3 năm 2024 | 2,5 | Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thương mại *(Thuyết minh số 6)* Hàng tồn kho *(Thuyết minh số 10)* Nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị *(Thuyết minh số 11)* |

## 20. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

Công ty có các khoản vay ngắn hạn ngân hàng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau: (tiếp theo)

| *Ngân hàng* | *Ngày 31 tháng 12 năm 2023* | | *Kỳ hạn trả gốc* | *Lãi suất* | *Hình thức đảm bảo* |
|---|---|---|---|---|---|
| | *Số tiền (VND)* | *Nguyên tệ (USD)* | | *(%/năm)* | |
| ***Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng*** | | | | | |
| Vay USD 1 | 195.937.316.000 | 8.052.000 | Từ ngày 25 tháng 1 năm 2024 đến ngày 26 tháng 3 năm 2024 | 4 | Hàng tồn kho *(Thuyết minh số 10)* |
| Vay VND 1 | 124.955.965.194 | - | Từ ngày 30 tháng 1 năm 2024 đến ngày 23 tháng 3 năm 2024 | 2,5 – 3,5 | Nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị tại trại nuôi Tân Nam *(Thuyết minh số 11)*<br>Công trình tại Nhà máy Thủy sản Sao Ta *(Thuyết minh số 11)* |
| Vay USD 2 | 48.965.041.145 | 2.005.120 | Từ ngày 26 tháng 1 năm 2024 đến ngày 25 tháng 5 năm 2024 | 4,0 - 4,2 | Tiền gửi có kỳ hạn *(Thuyết minh số 4 và Thuyết minh số 5)*<br>Văn bản bảo lãnh trị giá 150.000.000.000 VND từ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta |
| ***Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng*** | | | | | |
| Vay VND 1 | 195.895.503.984 | - | Từ ngày 13 tháng 2 năm 2024 đến ngày 20 tháng 5 năm 2024 | 2,5 – 3 | Hàng tồn kho *(Thuyết minh số 10)* |
| **TỔNG CỘNG** | **824.121.975.749** | **17.522.265** | | | |

## 21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

*VND*

| | *Năm nay* | *Năm trước* |
|---|---|---|
| Số đầu năm | 29.890.909.397 | 2.155.791.729 |
| Trích lập quỹ *(Thuyết minh 22.1)* | 41.934.221.463 | 39.819.532.032 |
| Sử dụng quỹ | (16.599.666.383) | (12.084.414.364) |
| Số cuối năm | 55.225.464.477 | 29.890.909.397 |

## 22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 22.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

*VND*

| | *Vốn cổ phần* | *Thặng dư vốn cổ phần* | *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối* | *Lợi ích cổ đông không kiểm soát* | *Tổng cộng* |
|---|---|---|---|---|---|
| **Năm trước** | | | | | |
| Số đầu năm | 653.888.890.000 | 593.685.426.002 | 534.379.891.345 | 194.800.595.504 | 1.976.754.802.851 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | 309.023.014.004 | 11.994.877.391 | 321.017.891.395 |
| Cổ tức công bố | - | - | (130.777.778.000) | (11.109.560.000) | (141.887.338.000) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | (36.252.350.080) | (3.567.181.952) | (39.819.532.032) |
| Chi phí phát hành cổ phiếu | - | (4.300.000) | - | - | (4.300.000) |
| Số cuối năm | 653.888.890.000 | 593.681.126.002 | 676.372.777.269 | 192.118.730.943 | 2.116.061.524.214 |
| **Năm nay** | | | | | |
| Số đầu năm | 653.888.890.000 | 593.681.126.002 | 676.372.777.269 | 192.118.730.943 | 2.116.061.524.214 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | 276.067.089.402 | 26.269.241.764 | 302.336.331.166 |
| Thay đổi lợi ích giữa các bên | - | - | - | 326.691.920 | 326.691.920 |
| Cổ tức công bố *(*)* | - | - | (130.777.778.000) | (11.872.000.000) | (142.649.778.000) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | (40.494.836.176) | (1.439.385.287) | (41.934.221.463) |
| Số cuối năm | 653.888.890.000 | 593.681.126.002 | 781.167.252.495 | 205.403.279.340 | 2.234.140.547.837 |

*(*)* Vào ngày 26 tháng 5 năm 2023, Nhóm Công ty đã chi cổ tức năm 2022 bằng tiền tại mức 20% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông công ty mẹ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 11 tháng 4 năm 2023, phù hợp với Nghị Quyết Đại Hội đồng Cổ đông ("NQĐHĐCĐ") thường niên 2023 ngày 7 tháng 4 năm 2023 và cũng đã chi cổ tức năm 2022 cho cổ đông không kiểm soát của Khang An theo tỷ lệ 7% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Khang An ngày 7 tháng 2 năm 2023, phù hợp với NQĐHĐCĐ 2023 ngày 8 tháng 4 năm 2023.

## 22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

### 22.2 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức*

*VND*

| | *Năm nay* | *Năm trước* |
|---|---|---|
| ***Vốn cổ phần đã phát hành*** | | |
| Số đầu năm và số cuối năm | 653.888.890.000 | 653.888.890.000 |
| ***Cổ tức*** | | |
| Cổ tức công bố | 130.777.778.000 | 130.777.778.000 |
| Cổ tức đã trả bởi công ty mẹ | 130.777.778.000 | 130.777.778.000 |
| Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát | 11.872.000.000 | 11.109.560.000 |

### 22.3 *Cổ phiếu*

| | *Số lượng cổ phiếu* | |
|---|---|---|
| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
| Cổ phiếu được phép phát hành | 65.388.889 | 65.388.889 |
| Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ | | |
| *Cổ phiếu phổ thông* | *65.388.889* | *65.388.889* |
| Cổ phiếu đang lưu hành | | |
| *Cổ phiếu phổ thông* | *65.388.889* | *65.388.889* |

### 22.4 *Lãi trên cổ phiếu*

| | *Năm nay* | *Năm trước (trình bày lại)* |
|---|---|---|
| Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông *(VND)* | 276.067.089.402 | 309.023.014.004 |
| Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi *(VND) (*)* | (6.579.473.170) | (40.494.836.176) |
| **Lợi nhuận thuần trong kỳ phân bổ cho cổ đông của Công ty *(VND)*** | **269.487.616.232** | **268.528.177.828** |
| Số lượng cổ phiếu bình quân *(cổ phiếu)* | 65.388.889 | 65.388.889 |
| Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu *(VND/cổ phiếu)* | 4.121 | 4.107 |

Nhóm Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

*(*)* Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2022 theo NQĐHĐCĐ Thường niên 2023 ngày 7 tháng 4 năm 2023 và NQĐHĐCĐ 2023 ngày 8 tháng 4 năm 2023.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm nay đã được điều chỉnh giảm cho khoản trích thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát tạm tính từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm hiện tại theo NQĐHĐCĐ Thường niên 2023 ngày 7 tháng 4 năm 2023.

## 23. DOANH THU

### 23.1 *Doanh thu bán hàng*

*VND*

| | *Năm nay* | *Năm trước* |
|---|---|---|
| **Tổng doanh thu** | **5.089.081.007.694** | **5.707.202.573.088** |
| *Trong đó:* | | |
| *Doanh thu bán hàng thủy sản* | *4.929.900.778.039* | *5.493.278.915.328* |
| *Doanh thu bán hàng nông sản* | *159.180.229.655* | *213.923.657.760* |
| **Trừ:** | **(1.688.007.779)** | **(5.638.911.412)** |
| *Hàng bán bị trả lại* | *(1.611.783.779)* | *(5.638.911.412)* |
| *Giảm giá hàng bán* | *(76.224.000)* | - |
| **DOANH THU THUẦN** | **5.087.392.999.915** | **5.701.563.661.676** |
| *Trong đó:* | | |
| *Doanh thu bán hàng thủy sản* | *4.928.212.770.260* | *5.487.967.943.328* |
| *Doanh thu bán hàng nông sản* | *159.180.229.655* | *213.595.718.348* |
| *Trong đó:* | | |
| *Bên khác* | *5.084.334.418.165* | *5.697.692.866.126* |
| *Bên liên quan (Thuyết minh số 30)* | *3.058.581.750* | *3.870.795.550* |

### 23.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

*VND*

| | *Năm nay* | *Năm trước* |
|---|---|---|
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái | 51.982.755.069 | 53.185.392.556 |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 14.241.706.371 | 17.951.082.047 |
| Lãi cho vay | 5.038.479.453 | - |
| Lãi từ chuyển nhượng vốn | 1.673.308.080 | - |
| **TỔNG CỘNG** | **72.936.248.973** | **71.136.474.603** |

## 24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

*VND*

| | *Năm nay* | *Năm trước* |
|---|---|---|
| Giá vốn hàng thủy sản | 4.479.464.609.749 | 4.937.510.823.320 |
| Giá vốn hàng nông sản | 115.004.196.671 | 138.476.970.510 |
| **TỔNG CỘNG** | **4.594.468.806.420** | **5.075.987.793.830** |

## 25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

*VND*

| | *Năm nay* | *Năm trước* |
|---|---|---|
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái | 33.242.652.725 | 36.933.730.057 |
| Chi phí lãi vay | 28.215.238.714 | 17.254.552.400 |
| **TỔNG CỘNG** | **61.457.891.439** | **54.188.282.457** |

## 26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

*VND*

| | *Năm nay* | *Năm trước* |
|---|---|---|
| Chi phí vận chuyển | 80.125.307.809 | 178.617.022.118 |
| Chi phí hoa hồng | 7.570.468.912 | 8.699.809.738 |
| Chi phí nhân viên | 4.457.808.865 | 4.253.948.149 |
| Chi phí thuế chống bán phá giá *(*)* | (5.865.189.585) | 3.855.694.592 |
| *Trong đó:* | | |
| - *Chi phí trích trước cho đợt rà soát hành chính lần thứ 19* | *41.892.463.225* | - |
| - *(Hoàn nhập chi phí đã trích trước) chi phí trích trước cho đợt rà soát hành chính lần thứ 18* | *(47.757.652.810)* | *47.757.652.810* |
| - *Hoàn nhập chi phí đã trích trước cho đợt rà soát hành chính lần thứ 17* | - | *(43.901.958.218)* |
| Khác | 35.495.663.523 | 30.767.077.410 |
| **TỔNG CỘNG** | **121.784.059.524** | **226.193.552.007** |

*(*)* Đây là khoản chi phí thuế chống bán phá giá áp dụng cho các công ty xuất khẩu tôm sang thị trường Mỹ theo yêu cầu của luật thuế chống bán phá giá của Bộ Thương mại Mỹ được tính toán và thu bởi Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên giới Mỹ trước khi hàng hóa được nhập khẩu vào Mỹ.

Vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty đã hoàn tất thỏa thuận với bên Nguyên đơn để chấm dứt việc kiện chống Nhóm Công ty bán phá giá cho đợt rà soát hành chính ("POR") lần thứ 18. Theo đó, Nhóm Công ty chỉ phải trả chi phí thỏa thuận và không phải trả thêm bất kỳ chi phí thuế chống bán phá giá nào khác cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2022 đến ngày 31 tháng 1 năm 2023 ("POR 18").

Thuế suất chống bán phá giá sau cùng áp dụng cho Nhóm Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 ("POR 19") chưa được xác định. Nhóm Công ty đang trích lập dự phòng thuế chống bán phá giá cho giai đoạn này POR 19 dựa theo tỷ lệ của POR gần nhất lần thứ 12 là năm 2016. Do vậy, số thuế phải trả và chi phí thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Bộ Thương mại Mỹ.

## 27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

*VND*

| | *Năm nay* | *Năm trước* |
|---|---|---|
| Chi phí nhân viên | 46.388.768.860 | 67.361.419.279 |
| Thuế và lệ phí | 8.533.532.986 | 7.783.602.102 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn | 3.826.670.346 | 1.042.207.015 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.376.275.937 | 5.135.375.040 |
| Chi phí kiểm toán | 710.000.000 | 678.000.000 |
| Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi | - | (1.504.317.359) |
| Khác | 16.144.608.389 | 12.029.483.765 |
| **TỔNG CỘNG** | **78.979.856.518** | **92.525.769.842** |

## 28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

*VND*

| | *Năm nay* | *Năm trước* |
|---|---|---|
| Chi phí nguyên vật liệu | 4.053.532.772.447 | 4.542.254.306.415 |
| Chi phí nhân viên | 605.855.624.982 | 647.163.536.693 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 186.239.800.557 | 273.243.113.659 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn *(Thuyết minh số 11 và 12)* | 154.278.778.410 | 92.276.620.949 |
| Khác | 162.613.006.063 | 181.345.939.185 |
| **TỔNG CỘNG** | **5.162.519.982.459** | **5.736.283.516.901** |

## 29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty áp dụng Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015, hướng dẫn về thuế TNDN và Công văn số 1327/CT-TTr từ Cục thuế Tỉnh Sóc Trăng ngày 1 tháng 12 năm 2015. Chi tiết như sau:

- Đối với hoạt động nuôi trồng, chế biến hàng nông sản và thủy sản ở vùng đặc biệt khó khăn, Nhóm Công ty được miễn thuế TNDN trong suốt thời gian hoạt động; và
- Đối với hoạt động nuôi trồng, chế biến hàng thủy sản ở vùng khó khăn, Nhóm Công ty được hưởng thuế suất 10% cho toàn bộ thời gian hoạt động.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### *29.1 Chi phí thuế TNDN*

*VND*

| | *Năm nay* | *Năm trước* |
|---|---|---|
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 1.633.240.589 | 8.282.032.455 |
| Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại | 626.319.744 | (885.845.696) |
| **TỔNG CỘNG** | **2.259.560.333** | **7.396.186.759** |

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

*VND*

| | *Năm nay* | *Năm trước* |
|---|---|---|
| **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | **304.595.891.499** | **328.414.078.154** |
| Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty | 60.919.178.299 | 65.682.815.631 |
| *Các điều chỉnh:* | | |
| Chi phí không được trừ | 273.416.874 | 213.142.634 |
| Thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn góp | 38.741.045 | - |
| Thuế TNDN được miễn giảm | (58.971.775.885) | (58.499.771.506) |
| **Chi phí thuế TNDN** | **2.259.560.333** | **7.396.186.759** |

## 29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### *29.2 Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

### *29.3 Thuế thu nhập hoãn lại*

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

*VND*

| | *Bảng cân đối kế toán hợp nhất* | | *Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất* | |
|---|---|---|---|---|
| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* | *Năm nay* | *Năm trước* |
| Chi phí thuế chống bán phá giá | 3.843.174.667 | 4.180.917.352 | (337.742.685) | 566.630.006 |
| Dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả | 844.633.275 | 796.994.775 | 47.638.500 | 6.432.225 |
| Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 26.156.467 | 362.372.026 | (336.215.559) | 312.783.465 |
| ***Tài sản thuế thu nhập hoãn lại*** | ***4.713.964.409*** | ***5.340.284.153*** | | |
| ***(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại*** | | | ***(626.319.744)*** | ***885.845.696*** |

## 30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

| *Bên liên quan* | *Mối quan hệ* |
|---|---|
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam | Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre | Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN | Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN | Công ty trong cùng tập đoàn |
| Ông Hồ Quốc Lực | Chủ tịch |
| Bà Nguyễn Thị Trà My | Phó Chủ tịch |
| Ông Phạm Hoàng Việt | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| Ông Tô Minh Chẳng | Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Văn Khải | Thành viên HĐQT |
| Ông Adisak Torsakul | Thành viên HĐQT |
| Bà Triệu Mai Lan | Thư ký HĐQT |
| Bà Lưu Nguyễn Trúc Dung | Trưởng BKS |
| Ông Lý Thái Hưng | Thành viên BKS |
| Bà Lý Thị Kim Yến | Thành viên BKS |
| Ông Mã Ích Hưng | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Hoàng Thanh Vũ | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Đinh Văn Thới | Phó Tổng Giám đốc |
| Bà Lê Ngọc Hương | Phó Tổng Giám đốc |

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

*VND*

| *Bên liên quan* | *Mối quan hệ* | *Nội dung nghiệp vụ* | *Năm nay* | *Năm trước* |
|---|---|---|---|---|
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam | Cổ đông lớn | Mua hàng hóa | 323.341.125.936 | 312.865.910.502 |
| | | Chia cổ tức | 32.653.666.000 | 32.563.666.000 |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN | Công ty trong cùng tập đoàn | Cho vay | 217.000.000.000 | - |
| | | Lãi cho vay | 5.038.479.453 | - |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN | Cổ đông lớn | Chia cổ tức | 49.369.356.000 | 49.369.356.000 |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre | Cổ đông lớn | Chia cổ tức | 16.178.000.000 | 16.178.000.000 |
| | | Bán hàng | 3.058.581.750 | 3.870.795.550 |
| | | Mua dịch vụ | 219.342.563 | - |
| Ông Hồ Quốc Lực | Chủ tịch | Chuyển nhượng vốn góp | 2.000.000.000 | - |

## 30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

*VND*

| *Bên liên quan* | *Mối quan hệ* | *Nội dung nghiệp vụ* | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|---|---|
| ***Trả trước cho người bán ngắn hạn** (Thuyết minh số 7)* | | | | |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam | Cổ đông lớn | Mua hàng | 4.352.632.274 | 669.093 |
| ***Phải thu về cho vay ngắn hạn** (Thuyết minh số 8)* | | | | |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN | Công ty trong cùng tập đoàn | Cho vay | 217.000.000.000 | - |
| ***Phải thu ngắn hạn khác** (Thuyết minh số 9)* | | | | |
| Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN | Công ty trong cùng tập đoàn | Lãi cho vay | 5.038.479.453 | - |
| ***Phải trả người bán ngắn hạn** (Thuyết minh số 15)* | | | | |
| Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam | Cổ đông lớn | Mua hàng | 867.000.000 | - |

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát ("BKS") như sau:

*VND*

| *Tên* | *Chức vụ* | *Thu nhập* | |
|---|---|---|---|
| | | *Năm nay* | *Năm trước* |
| Ông Hồ Quốc Lực | Chủ tịch HĐQT | 2.173.391.000 | 2.016.340.000 |
| Bà Nguyễn Thị Trà My | Phó Chủ tịch HĐQT | 692.000.000 | 842.000.000 |
| Ông Phạm Hoàng Việt | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 2.061.351.000 | 2.004.140.000 |
| Ông Tô Minh Chẳng | Thành viên HĐQT | 1.375.607.000 | 1.361.785.000 |
| Ông Nguyễn Văn Khải | Thành viên HĐQT | 408.000.000 | 458.000.000 |
| Ông Adisak Torsakul | Thành viên HĐQT | 358.000.000 | 81.000.000 |
| Bà Triệu Mai Lan | Thư ký HĐQT | 641.557.000 | 606.989.000 |
| Bà Lưu Nguyễn Trúc Dung | Trưởng BKS | 912.981.000 | 889.432.000 |
| Ông Lý Thái Hưng | Thành viên BKS | 804.085.000 | 578.338.000 |
| Bà Lý Thị Kim Yến | Thành viên BKS | 204.000.000 | 63.000.000 |
| Ông Hoàng Thanh Vũ | Phó Tổng Giám đốc | 1.362.926.000 | 1.261.054.000 |
| Ông Mã Ích Hưng | Phó Tổng Giám đốc | 1.223.161.000 | 1.255.693.000 |
| Bà Lê Ngọc Hương | Phó Tổng Giám đốc | 1.059.191.000 | 1.077.965.000 |
| Ông Đinh Văn Thới | Phó Tổng Giám đốc | 667.452.000 | 899.900.000 |
| **TỔNG CỘNG** | | **13.943.702.000** | **13.395.636.000** |

## 31. CÁC CAM KẾT

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

*VND*

| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|
| Đến 1 năm | 2.094.436.617 | 2.140.294.377 |
| Trên 1 - 5 năm | 8.561.177.508 | 8.561.177.508 |
| Trên 5 năm | 95.840.828.923 | 94.373.133.278 |
| **TỔNG CỘNG** | **106.496.443.048** | **105.074.605.163** |

***Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn***

Nhóm Công ty có ký kết các hợp đồng thi công công trình và mua sắm máy móc thiết bị cho với nghĩa vụ cam kết trong tương lai được thể hiện như sau:

*VND*

| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|
| Máy móc đang chờ lắp đặt | 8.371.985.880 | 1.400.000.000 |
| Dự án nhà máy chế biến thủy sản | 346.381.049 | 38.396.748.652 |
| **TỔNG CỘNG** | **8.718.366.929** | **39.796.748.652** |

## 32. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

| | *Số cuối năm* | *Số đầu năm* |
|---|---|---|
| Ngoại tệ các loại: | | |
| Đô la Mỹ *(USD)* | 591.296 | 11.890.718 |
| Yên Nhật *(JPY)* | 37.338 | 96.105 |
| Euro *(EUR)* | 144 | 155 |
| Nợ khó đòi đã xử lý *(VND)*: | | |
| Các khoản phải thu khác | - | 16.120.604.408 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã đứng ra bảo lãnh cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An tại các ngân hàng thương mại sau:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng theo văn bản bảo lãnh số 01/2023 trị giá 150.000.000.000 VND.
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng theo văn bản bảo lãnh số 043/VB.2023 và 044/VB.2023 trị giá 400.000.000.000 VND.

## 33. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Ngày 14 tháng 11 năm 2023, Bộ Thương mại Hoa Kỳ vừa công bố khởi xướng điều tra việc trợ cấp của Chính phủ cho các nhà sản xuất-xuất khẩu từ Việt Nam vào Mỹ đối với sản phẩm tôm nước ấm đông lạnh thuộc các mã HS 0306.17, 1605.21 và 1605.29 (không bao gồm tôm tẩm bột), cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, kết quả sơ bộ của việc điều tra từ Bộ Thương mại Hoa Kỳ vẫn chưa có kết luận. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty chưa có đủ thông tin để ước tính ảnh hưởng của vấn đề trên trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

## 34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

| | | |
|---|---|---|
| Lý Thị Thu Hồng | Tô Minh Chẳng | Phạm Hoàng Việt |
| Người lập | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |

Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Sóc Trăng, ngày 19 tháng 04 năm 2024*

# QUY ĐỊNH VỀ THỂ LỆ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta.*

Việc biểu quyết, kiểm phiếu thông qua Tờ trình và các nội dung họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ("Đại hội") Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta được thực hiện theo quy tắc và thể lệ sau đây:

1. Quyết định của Đại hội được thông qua dưới hình thức biểu quyết khi đạt tỷ lệ tối thiểu theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta.
2. Mỗi cổ đông có số biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần mà người đó sở hữu và đại diện sở hữu.
3. Thể lệ biểu quyết:
   a. Khi đăng ký cổ đông tham dự Đại hội, Công ty sẽ cấp cho mỗi Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một Phiếu biểu quyết. Trên mỗi Phiếu biểu quyết có ghi Mã số Cổ đông, Tên Cổ đông và Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Cổ đông đó, các nội dung cuộc họp cần biểu quyết.
   b. Hình thức biểu quyết:
   - Biểu quyết giơ tay khi Đoàn Chủ tọa đề nghị biểu quyết các vấn đề sau:
     (i) Thông qua lựa chọn Đoàn Chủ tọa, Thư ký, Ban Kiểm phiếu;
     (ii) Thông qua Chương trình họp và Quy chế làm việc của Đại hội;
     (iii) Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội.
     (iv) Thông qua các nội dung khác nếu chủ tọa đoàn xét thấy cần thiết để tiến hành bước tiếp theo thực hiện biểu quyết bằng phiếu biểu quyết.
   - Biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết đối với các Báo cáo, Tờ trình của Hội đồng Quản trị.
   c. Đối với hình thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết: Cổ đông sẽ thực hiện quyền biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" vào một trong các ô "Đồng ý" hoặc

"Không đồng ý" hoặc "Không có ý kiến" tương ứng với từng quyết định trên Phiếu biểu quyết.

d. Phiếu biểu quyết hợp lệ: là các Phiếu biểu quyết theo mẫu in sẵn của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta có đóng dấu treo, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm các nội dung khác vào Phiếu, chỉ được đánh dấu vào 1 ô trên Phiếu tương ứng với từng quyết định và có chữ ký của Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của Cổ đông.

e. Phiếu biểu quyết không hợp lệ: là Phiếu không đáp ứng được một trong các yêu cầu đối với Phiếu biểu quyết hợp lệ theo quy định ở trên.

Nguyên tắc, thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

***Nơi nhận:***
- *Cổ đông CTy CP TP Sao Ta;*
- *Lưu: VP.*

**HỒ QUỐC LỰC**

**PHIẾU BIỂU QUYẾT**

Họ và tên Cổ đông: .....Số CMND/CNĐKKD: .....
Mã số Cổ đông:.....Số điện thoại:.....
Số phiếu biểu quyết (01 cổ phần tương đương với 01 phiếu biểu quyết): .....

**<u>Nội dung lấy ý kiến</u>:** *(đánh dấu vào ô tương ứng):*

Thông qua tờ trình số 01/TT_ĐHĐCĐ ngày 19/04/2024 về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 các chỉ tiêu như sau:

- Doanh thu tiêu thụ hợp nhất: 4.870 tỉ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 300 tỉ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ: 278 tỉ đồng;

❑ Đồng ý ❑ Không đồng ý ❑ Không có ý kiến

Sóc Trăng, ngày 19 tháng 04 năm 2024
Cổ đông/Người được ủy quyền
*(Ký tên và ghi rõ họ tên)*

_____

# PHIẾU BIỂU QUYẾT

Họ và tên Cổ đông: ..... Số CMND/CNĐKKD:.....

Mã số Cổ đông:..... Số điện thoại:.....

Số phiếu biểu quyết (01 cổ phần tương đương với 01 phiếu biểu quyết): .....

**<u>Nội dung lấy ý kiến</u>:** *(đánh dấu vào ô tương ứng):*

1. **Thông qua Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2023**

   ❑ Đồng ý ❑ Không đồng ý ❑ Không có ý kiến

2. **Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận 2023; Mức chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt là 20% (2.000 đồng/cổ phiếu).**

   ❑ Đồng ý ❑ Không đồng ý ❑ Không có ý kiến

3. **Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024**

   - Tổng Doanh thu thuần hợp nhất: 5.187 tỉ đồng ;
   - Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 320 tỉ đồng;
   - Cổ tức bằng tiền mặt: Tối thiểu 20% (2.000đ/CP). Ủy quyền cho HĐQT xem xét cho ứng trước số cổ tức ở từng thời điểm phù hợp.

   ❑ Đồng ý ❑ Không đồng ý ❑ Không có ý kiến

4. **Thông qua các báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc Công ty**

   ❑ Đồng ý ❑ Không đồng ý ❑ Không có ý kiến

5. **Thông qua mức thù lao HĐQT và BKS năm 2024 là 1 tỉ đồng**

   ❑ Đồng ý ❑ Không đồng ý ❑ Không có ý kiến

6. **Thông qua phương án thưởng HĐQT và BKS năm 2024**

   Nếu hoàn thành kế hoạch tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất thì (1) thưởng 2% trên lợi nhuận sau thuế công ty mẹ ; (2) thưởng 5% trên mức vượt phần lợi nhuận sau thuế công ty mẹ.

   ❑ Đồng ý ❑ Không đồng ý ❑ Không có ý kiến

7. **Thống nhất ủy quyền cho HĐQT được lựa chọn 01 trong 04 công ty kiểm toán sau để kiểm toán BCTC năm 2024 như sau:**

   ❖ Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
   ❖ Công ty kiểm toán KPMG;
   ❖ Công ty kiểm toán Deloitte
   ❖ Công ty kiểm toán **PwC.**

   ❑ Đồng ý ❑ Không đồng ý ❑ Không có ý kiến

8. **Thống nhất thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của HĐQT của Công ty theo tờ trình số** 04/TT_ĐHĐCĐ ngày 19/04/2024.

   ❑ Đồng ý ❑ Không đồng ý ❑ Không có ý kiến

Sóc Trăng, ngày 19 tháng 04 năm 2024

Cổ đông/Người được ủy quyền

*(Ký tên và ghi rõ họ tên)*

_____

**CTY CP TP SAO TA**
***
Số: 024/NQ_ĐHĐCĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
---
*Sóc Trăng, ngày 19 tháng 04 năm 2024*

# DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
# ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta;*
- *Căn cứ vào Biên bản kiểm phiếu xin ý kiến biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 19/04/2024 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta.*

## QUYẾT NGHỊ

**Điều 1: Thống nhất điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 như sau:**
- Tổng Doanh thu thuần hợp nhất: 4.870 tỉ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 300 tỉ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ: 278 tỉ đồng;

**Điều 2: Thông qua Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2023 và các báo cáo hoạt động năm 2023, gồm:**
- Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) .
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát (BKS).

**Điều 3: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận 2023 và mức chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt là 20% (2.000 đồng/cổ phiếu).**

**Điều 4: Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024**
- Doanh thu thuần hợp nhất: 5.187 tỉ đồng ;
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 320 tỉ đồng;
- Cổ tức bằng tiền mặt: Tối thiểu 20% (2.000đ/CP). Ủy quyền cho HĐQT xem xét cho ứng trước số cổ tức ở từng thời điểm phù hợp.

**Điều 5: Thông qua kế hoạch thù lao HĐQT và BKS năm 2024 là 1 tỉ đồng**

**Điều 6: Thông qua phương án thưởng HĐQT và BKS năm 2024**

Nếu hoàn thành kế hoạch tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất thì (1) thưởng 2% trên lợi nhuận sau thuế công ty mẹ ; (2) thưởng 5% trên mức vượt phần lợi nhuận sau thuế công ty mẹ.

**Điều 7: Thống nhất sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty như tờ trình.**

**Điều 8: Thống nhất ủy quyền cho HĐQT được chọn 01 trong 04 công ty kiểm toán sau để kiểm toán BCTC năm 2024 là:**
1. Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
2. Công ty kiểm toán KPMG
3. Công ty kiểm toán Deloitte
4. Công ty kiểm toán PwC

**Điều 9:** Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và các Cổ đông của công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần Thực phẩm Sao Ta.

**T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA
CHỦ TỊCH HĐQT

HỒ QUỐC LỰC